

THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026  
(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026)

| STT | Lớp                             | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD                                                               | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19                 |                          |                          |                          |                          |                          |                          | Tuần 20                  |                         |                          |                         |                          |       |      |                | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------|------|----------------|---------|
|     |                                 |            |           |                                                                          |                 | Thứ 2                   | Thứ 3                    | Thứ 4                    | Thứ 5                    | Thứ 6                    | Thứ 7                    | CN                       | Thứ 2                    | Thứ 3                   | Thứ 4                    | Thứ 5                   | Thứ 6                    | Thứ 7 | CN   |                |         |
|     |                                 |            |           |                                                                          |                 | 5/1                     | 6/1                      | 7/1                      | 8/1                      | 9/1                      | 10/1                     | 11/1                     | 12/1                     | 13/1                    | 14/1                     | 15/1                    | 16/1                     | 17/1  | 18/1 |                |         |
|     |                                 |            |           |                                                                          |                 |                         |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 1   | BTSCOTO K41B<br>(Lớp 12A7)      | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |                         | 308                      | 308                      |                          |                          |                          |                          |                          | 308                     | 308                      |                         |                          |       |      |                |         |
| 1   | BTSCOTO K41B<br>(Lớp 12A7)      | K.CNOT     |           | Dự phòng học lại, thi lại, học bổ sung                                   |                 | DP                      |                          |                          | DP                       | DP                       | DP                       |                          | DP                       |                         |                          | DP                      | DP                       |       |      |                |         |
| 2   | BTSCOTO K42B1<br>(Lớp 11A12)    | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 | 105                     | 105                      |                          |                          |                          |                          |                          | 105                      | 105                     |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 2   | BTSCOTO K42B1<br>(Lớp 11A12)    | T/Long     | MD21      | BT&SC TRANG BỊ ĐIỆN Ô TÔ                                                 | 8               |                         |                          | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S  |                          |                          | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.2-D)-<br>S |                          |       |      |                |         |
| 3   | BTSCOTO K42B2<br>(Lớp 11A13)    | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 | 106                     | 106                      |                          |                          |                          |                          |                          | 106                      | 106                     |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 3   | BTSCOTO K42B2<br>(Lớp 11A13)    | T/Tiến     | MD 21     | BT&SC TRANG BỊ ĐIỆN Ô TÔ                                                 | 8               |                         |                          |                          |                          | X/OTO<br>(T2.3-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.3-D)-<br>S  |                          |                          |                         |                          | X/OTO<br>(T2.3-D)-<br>S |                          |       |      |                |         |
| 3   | BTSCOTO K42B2<br>(Lớp 11A13)    | T/K.Quang  | MD 22     | BT-SC HT TRUYỀN LỰC                                                      | 8               |                         |                          |                          | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  |                          |                          |                          |                          |                         | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  |                         |                          |       |      |                |         |
| 4   | BTSCOTO K43B1<br>(Lớp 10A12)    | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |                         |                          | 206                      | 206                      |                          |                          |                          |                          |                         | 206                      | 206                     |                          |       |      |                |         |
| 5   | BTSCOTO K43B1<br>(Lớp 10A12)    | T/K.Quang  | MH 15     | Thi kết thúc môn                                                         | 2               | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 4   | BTSCOTO K43B1<br>(Lớp 10A12)    | T/K.Quang  | MD 16     | BT, SC CCTK-TT VÀ BPCĐ CỦA Đ/CO                                          | 6               |                         |                          | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  |                          | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  |                          | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S | X/OTO<br>(T2.1-D)-<br>S  |                         |                          |       |      |                |         |
| 5   | BTSCOTO K43B2<br>(Lớp 10A13)    | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |                         |                          |                          | 207                      | 207                      |                          |                          |                          |                         |                          | 207                     | 207                      |       |      |                |         |
| 5   | BTSCOTO K43B2<br>(Lớp 10A13)    | T/Hoàng    | MH11      | VỀ KỸ THUẬT CƠ KHÍ                                                       | 5               | X/HÀN<br>(Đ) - S        |                          |                          |                          |                          |                          |                          | X/HÀN<br>(Đ) - S         | X/HÀN<br>(Đ) - S        |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 6   | CGKL CB-K14A1                   | T/Tấn      | MD10      | Chế tạo các chi tiết bằng lập trình CAD/CAM                              | 8               |                         |                          |                          |                          | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C |                          |                          |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 6   | CGKL CB-K14A1                   | T/Thiết    | MD10      | Chế tạo các chi tiết bằng lập trình CAD/CAM                              | 8               |                         | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C |                          |                          |                          | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 6   | CGKL CB-K14A1                   | T/Thiết    | MD10      | Thi kết thúc môn                                                         | 8               |                         |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         |                          |                         | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>C |       |      |                |         |
| 6   | CGKL CB-K14A1                   | K.CNCK     |           | Ôn thi AP2                                                               |                 |                         |                          |                          |                          |                          | AP2                      |                          |                          | AP2                     | AP2                      | AP2                     |                          |       |      |                |         |
| 7   | CGKL CB-K15A1<br>(CLC)          | C/Hoa      | MH 06     | Tiếng anh                                                                | 5               |                         |                          |                          | 307-S                    |                          |                          |                          |                          |                         | 307-S                    |                         |                          |       |      |                |         |
| 7   | CGKL CB-K15A1<br>(CLC)          | T/Hoàn     | MD06      | Điều chỉnh, vận hành và bảo trì các máy cắt bằng tia lửa điện và máy mài | 8               |                         | X/CNC<br>(ODA) -<br>C    |                          |                          | X/CNC<br>(ODA) -<br>C    |                          | X/CNC<br>(ODA) -<br>C    | X/CNC<br>(ODA) -<br>C    | X/CNC<br>(ODA) -<br>C   |                          | X/CNC<br>(ODA) -<br>C   |                          |       |      |                |         |
| 8   | CGKL CB-K15A2                   | T/Thực     | MD 20     | Phay mặt phẳng                                                           | 8               |                         | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   |                          | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 8   | CGKL CB-K15A2                   | T/Thực     | MD 20     | Thi kết thúc môn                                                         | 4               |                         |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   |                         |                          |       |      | Phay mặt phẳng |         |
| 8   | CGKL CB-K15A2                   | T/Tấn      | MD 21     | Phay rãnh                                                                | 8               |                         |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         |                          | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S  | X/PHAY<br>(ODA) -<br>S   |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A1                   | T/Hà       | MH 03     | Giáo dục thể chất                                                        | 4               | TTVB-S                  | TTVB-S                   |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         | TTVB-S                   |                         |                          |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A1                   | C/Tâm      | MH 01     | Giáo dục chính trị                                                       | 5               |                         |                          |                          |                          | P.TV-T4-<br>S            |                          |                          |                          |                         |                          |                         | 306-S                    |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A1                   | T/Ba       | MD02      | Gia công các chi tiết trên máy công cụ vạn năng                          | 8               |                         |                          |                          |                          |                          |                          |                          | X/TIỆN<br>(ODA) -<br>C   |                         |                          | X/TIỆN<br>(ODA) -<br>C  |                          |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A1                   | T/Thiết    | MD02      | Gia công các chi tiết trên máy công cụ vạn năng                          | 8               |                         |                          |                          |                          | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>S |                          | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>S |                          |                         | P.TKCK<br>1 (ODA) -<br>S |                         |                          |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A2                   | T/Hoàn     | MH 11     | Cơ lý thuật                                                              | 5               |                         |                          |                          | X/HÀN<br>(Đ) - C         |                          |                          |                          |                          |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A2                   | T/Hoàn     | MH 11     | Thi kết thúc môn                                                         | 2               |                         |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                          |                         | X/HÀN<br>(Đ) - C         |                         |                          |       |      | Cơ lý thuật    |         |
| 9   | CGKL CB-K16A2                   | C/Phương   | MH 01     | Giáo dục chính trị                                                       | 5               |                         |                          |                          |                          | 205-S                    |                          |                          |                          |                         |                          |                         | 205-S                    |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A2                   | T/V.Hưng   | MD 14     | Sử dụng dụng cụ cầm tay                                                  | 6               |                         | X/SDDC<br>CT(D) -<br>S   | X/SDDC<br>CT(D) -<br>S   |                          |                          |                          |                          | X/SDDC<br>CT(D) -<br>S   | X/SDDC<br>CT(D) -<br>S  |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 9   | CGKL CB-K16A2                   | T/Toàn     | MD 17     | Truyền động cơ khí                                                       | 6               |                         |                          |                          |                          |                          | X/CĐT 2<br>(ODA) -<br>S  | X/CĐT 2<br>(ODA) -<br>S  |                          |                         |                          |                         | X/CĐT 2<br>(ODA) -<br>S  |       |      |                |         |
| 10  | CGKL K41B (Lớp 12A8)            | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |                         | 205                      | 205                      |                          |                          |                          |                          |                          | 205                     | 205                      |                         |                          |       |      |                |         |
| 10  | CGKL K41B (Lớp 12A8)            | T/H.Thiết  | MD 21     | Tiện kết hợp và tiện lệch tâm                                            | 2               |                         |                          |                          |                          |                          | X/TIỆN<br>(ODA) -<br>S   |                          |                          |                         |                          |                         |                          |       |      |                |         |
| 11  | CGKL K42B<br>(Lớp 11A14+ 11A15) | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |                         | 207, 208                 | 207, 208                 |                          |                          |                          |                          |                          | 207, 208                | 207, 208                 |                         |                          |       |      |                |         |
| 11  | CGKL K42B<br>(Lớp 11A14+ 11A15) | T/Thiết    | MD 16     | Phay mặt phẳng                                                           | 8               |                         |                          |                          |                          |                          | X/PHAY<br>(ODA) -<br>C   |                          |                          |                         |                          | X/PHAY<br>(ODA) -<br>C  | X/PHAY<br>(ODA) -<br>C   |       |      |                |         |
| 12  | CGKL01-K43B<br>(Lớp 10A10)      | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |                         |                          |                          | 105                      | 105                      |                          |                          |                          |                         |                          | 105                     | 105                      |       |      |                |         |
| 12  | CGKL01-K43B<br>(Lớp 10A10)      | T/Toàn     | MD 15     | Điện kỹ thuật                                                            | 6               |                         |                          | X/CĐT 2<br>(ODA) -<br>S  |                          |                          |                          |                          |                          |                         | X/CĐT 2<br>(ODA) -<br>S  |                         |                          |       |      |                |         |
| 12  | CGKL01-K43B<br>(Lớp 10A10)      | T/X.Cường  | MH 11     | Cơ lý thuật                                                              | 5               |                         |                          |                          | 207-S                    |                          |                          |                          |                          |                         |                          | 207-S                   |                          |       |      |                |         |
| 13  | CN CTM CB-K14                   | T/Tấn      | MD 29     | Thiết kế khuôn                                                           | 8               |                         | P.LT<br>(ODA) - S        | P.LT<br>(ODA) - S        | P.LT<br>(ODA) - S        |                          |                          |                          |                          | P.LT<br>(ODA) - S       | P.LT<br>(ODA) - S        | P.LT<br>(ODA) - S       |                          |       |      |                |         |
| 13  | CN CTM CB-K14                   | K.CNCK     |           | Đồ án tốt nghiệp                                                         |                 |                         |                          |                          |                          | DATN                     | DATN                     | DATN                     |                          |                         |                          |                         | DATN                     |       |      |                |         |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |               |              |           |                                                                                   |                 |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    |                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----|---------------------------------------------------------------------|
| STT                                                                     | Lớp           | Giảng viên   | Mã MH, MD | Tên MH, MD                                                                        | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19            |                    |                    |                    |                    | CN                 | Tuần 20            |                    |                    |                    |                    | CN | Ghi chú                                                             |
|                                                                         |               |              |           |                                                                                   |                 | Thứ 2              | Thứ 3              | Thứ 4              | Thứ 5              | Thứ 6              |                    | Thứ 2              | Thứ 3              | Thứ 4              | Thứ 5              | Thứ 6              |    |                                                                     |
|                                                                         |               |              |           |                                                                                   |                 | 5/1                | 6/1                | 7/1                | 8/1                | 9/1                |                    | 12/1               | 13/1               | 14/1               | 15/1               | 16/1               |    |                                                                     |
| 14                                                                      | CN CTM CB-K15 | C/Hà         | MH 01     | Giáo dục chính trị                                                                | 5               |                    |                    | 102-S              | Hội trường B-S     | 306-S              |                    |                    | P.TV-T4-S          | 102-S              |                    |                    |    |                                                                     |
| 14                                                                      | CN CTM CB-K15 | T/D.Đùng     | MD 21     | Phay cơ bản                                                                       | 8               | X/PHAY (ODA) - C   | X/PHAY (ODA) - C   |                    |                    |                    |                    | X/PHAY (ODA) - C   |                    |                    | X/PHAY (ODA) - C   | X/PHAY (ODA) - C   |    |                                                                     |
| 15                                                                      | CN CTM CB-K16 | T/V.Hưng     | MD 14     | Sử dụng dụng cụ cầm tay                                                           | 6               |                    |                    | X/SDDC CT(D) - S   | X/SDDC CT(D) - S   |                    |                    |                    |                    |                    | X/SDDC CT(D) - S   | X/SDDC CT(D) - S   |    |                                                                     |
| 15                                                                      | CN CTM CB-K16 | T/Tấn        | MH 10     | Dụng sai và Đo lường kỹ thuật                                                     | 3,5             |                    |                    |                    |                    |                    |                    | P.TKCK 2 (ODA) - S |                    |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 15                                                                      | CN CTM CB-K16 | T/Mễ         | MH 11     | Cơ lý thuật                                                                       | 5               | P.TKCK 2 (ODA) - S | P.TKCK 2 (ODA) - S |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 15                                                                      | CN CTM CB-K16 | T/Mễ         | MH 11     | Thi kết thúc môn                                                                  | 2               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | P.TKCK 2 (ODA) - S |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 15                                                                      | CN CTM CB-K16 | T/Hà         | MH 03     | Giáo dục thể chất                                                                 | 4               |                    |                    |                    |                    | TTVH-C             |                    |                    | TTVH-S             |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 16                                                                      | CNOT CB-K14A1 | K.CNOT       |           | Đồ án tốt nghiệp                                                                  |                 | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               |                    | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               |    |                                                                     |
| 17                                                                      | CNOT CB-K14A2 | K.CNOT       |           | Đồ án tốt nghiệp                                                                  |                 | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               |                    | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               |    |                                                                     |
| 18                                                                      | CNOT CB-K14A3 | K.CNOT       |           | Đồ án tốt nghiệp                                                                  |                 |                    | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               |                    | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               | DATN               |    |                                                                     |
| 18                                                                      | CNOT CB-K14A3 | T/Dự         | MH 05     | Tin học                                                                           | 5               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 19                                                                      | CNOT CB-K15A1 | K.CNOT       | MD 34     | Thực tập tốt nghiệp                                                               |                 |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Từ ngày 03/11/2025 đến 13/02/2026                                   |
| 20                                                                      | CNOT CB-K15A2 | K.CNOT       |           | Thực tập tốt nghiệp                                                               |                 |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Từ 07/10/2025 đến 16/01/2026                                        |
| 21                                                                      | CNOT CB-K15A3 | T/Hiệu       | MH 13     | Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng                                             | 5               |                    |                    |                    |                    | X/DC (ODA) - S     | X/DC (ODA) - S     |                    |                    | X/DC (ODA) - S     |                    |                    |    |                                                                     |
| 21                                                                      | CNOT CB-K15A3 | T/V.Hạnh     | MD 26     | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển                                          | 8               |                    | X/DC (ODA) - S     | X/DC (ODA) - S     |                    |                    |                    |                    |                    | X/DC (ODA) - S     |                    |                    |    |                                                                     |
| 21                                                                      | CNOT CB-K15A3 | T/V.Hạnh     | MD 26     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | X/DC (ODA) - S     |    | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển                            |
| 21                                                                      | CNOT CB-K15A3 | T/Hiệp       | MH 09     | Cơ lý thuật                                                                       | 5               | X/OTO (T2.1-D) - S |                    |                    | X/OTO (T2.1-D) - S |                    |                    |                    | X/OTO (T2.1-D) - S |                    | X/OTO (T2.1-D) - S |                    |    |                                                                     |
| 22                                                                      | CNOT CB-K16A1 | T/Hiệu       | MD 16     | GIA CÔNG CHI TIẾT - CỤM CHI TIẾT BẢNG DCCT                                        | 6               | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     |                    | X/BC (ODA) - S     |                    |                    |                    |                    | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     |    |                                                                     |
| 22                                                                      | CNOT CB-K16A1 | T/Tùng       | MH 14     | AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG                                                          | 5               |                    |                    | X/OTO (T1.1-D) - S |                    | X/OTO (T1.1-D) - S | X/OTO (T1.1-D) - S |                    | X/OTO (T1.1-D) - S |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 22                                                                      | CNOT CB-K16A1 | T/Tùng       | MD 19     | SC, BD CCTK-TT và BPCĐ CỦA Đ/CƠ                                                   | 6               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | X/OTO (T1.1-D) - S |                    |                    |    |                                                                     |
| 23                                                                      | CNOT CB-K16A2 | T/Tiến       | MD 21     | BD,SC HT BÔI TRƠN VÀ HT LẠM MÁT                                                   | 6               | X/OTO (T2.3-D) - S | X/OTO (T2.3-D) - S | X/OTO (T2.3-D) - S |                    |                    |                    | X/OTO (T2.3-D) - S | X/OTO (T2.3-D) - S | X/OTO (T2.3-D) - S |                    |                    |    |                                                                     |
| 23                                                                      | CNOT CB-K16A2 | T/Hàng       | MD 19     | BD&SC cơ cấu trục khuỷu thành truyền và bộ phận cố định của động cơ               | 6               |                    |                    |                    | X/OTO (T1.2-D) - S | X/OTO (T1.2-D) - S |                    |                    |                    |                    | X/OTO (T1.2-D) - S |                    |    |                                                                     |
| 23                                                                      | CNOT CB-K16A2 | T/Hàng       | MD 19     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | X/OTO (T1.2-D) - S |    | BD&SC cơ cấu trục khuỷu thành truyền và bộ phận cố định của động cơ |
| 24                                                                      | CNOT CB-K16A3 | T/V.Hạnh     | MD 19     | Bảo dưỡng, sửa chữa cơ cấu trục khuỷu thành truyền và bộ phận cố định của động cơ | 6               | X/BC (ODA) - S     |                    |                    | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     |                    | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     | X/BC (ODA) - S     |                    |    |                                                                     |
| 24                                                                      | CNOT CB-K16A3 | T/Hoàng      | MD17      | TH/C HÀNH HÀN                                                                     | 6               |                    | X/HÀN (Đ) - S      | X/HÀN (Đ) - S      |                    |                    |                    |                    |                    |                    | X/HÀN (Đ) - S      | X/HÀN (Đ) - S      |    |                                                                     |
| 25                                                                      | CNOT CB-K16A4 | T/Hiệp       | MH 18     | Thi kết thúc môn                                                                  | 2               |                    | X/OTO (T2.1-D) - S |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa                        |
| 25                                                                      | CNOT CB-K16A4 | T/Hiệp       | MD 20     | SC, BD HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ                                                     | 6               |                    |                    | X/OTO (T2.1-D) - S |                    | X/OTO (T2.1-D) - S | X/OTO (T2.1-D) - S |                    |                    | X/OTO (T2.1-D) - S | X/OTO (T2.1-D) - S | X/OTO (T2.1-D) - S |    |                                                                     |
| 25                                                                      | CNOT CB-K16A4 | T/Tiến       | MD 19     | Bảo dưỡng, sửa chữa cơ cấu trục khuỷu thành truyền và bộ phận cố định của động cơ | 6               |                    |                    |                    | X/OTO (T2.3-D) - S |                    |                    |                    |                    |                    | X/OTO (T2.3-D) - S |                    |    |                                                                     |
| 25                                                                      | CNOT CB-K16A4 | T/Long       | MD 21     | BD-SC HT BÔI TRƠN VÀ HT LẠM MÁT                                                   | 6               | X/OTO (T2.2-D) - S |                    |                    |                    |                    |                    |                    | X/OTO (T2.2-D) - S |                    |                    |                    |    |                                                                     |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | C/HVân       | MD 13     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               | 203-C              |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Lắp ráp, SC & BDTBVP                                                |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | T/Dự         | MD 13     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               | 203-C              |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Lắp ráp, SC & BDTBVP                                                |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | T/Quang      | MH 24     | Thi kết thúc môn                                                                  | 2               | 305-S              |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Quản lý dự án CNTT                                                  |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | C/T.Huyền    | MH 24     | Thi kết thúc môn                                                                  | 2               | 305-S              |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |    | Quản lý dự án CNTT                                                  |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | C/HVân       | MD 12     | Lắp ráp và bảo trì máy tính                                                       | 8               |                    | 202-S              | 202-S              | 202-S              | 202-S              |                    |                    | 202-S              | 202-S              | 202-S              |                    |    |                                                                     |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | C/HVân       | MD 12     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | 202-S              |    | Lắp ráp và bảo trì máy tính                                         |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | C/Hàn        | MD 12     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | 202-S              |    | Lắp ráp và bảo trì máy tính                                         |
| 26                                                                      | CNTT CB-K14A1 | K.KH-KT-CNTT | MD 26     | Đồ án tốt nghiệp                                                                  |                 |                    |                    |                    |                    |                    | DATN               |                    |                    |                    | DATN               |                    |    |                                                                     |
| 27                                                                      | CNTT CB-K14A2 | T/Quang      | MD 19     | Thiết kế đa PT                                                                    | 8               |                    |                    |                    | 203-S              | 203-C              | 203-C              |                    |                    | 203-C              |                    | 203-S              |    |                                                                     |
| 27                                                                      | CNTT CB-K14A2 | T/Quang      | MD 19     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | 203-C              |    | Thiết kế đa PT                                                      |
| 27                                                                      | CNTT CB-K14A2 | C/Xuân       | MD 19     | Thi kết thúc môn                                                                  | 4               |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    |                    | 203-C              |    | Thiết kế đa PT                                                      |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                              |              |           |                                      |                 |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|-----------|--------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------|---------|---------|-------|----|---------|-------|-------|----------------|----------------|--------------------------------------------------------------|
| STT                                                                     | Lớp                          | Giảng viên   | Mã MH, MD | Tên MH, MD                           | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19 |                |        |         |         |       | CN | Tuần 20 |       |       |                |                | Ghi chú                                                      |
|                                                                         |                              |              |           |                                      |                 | Thứ 2   | Thứ 3          | Thứ 4  | Thứ 5   | Thứ 6   |       |    | Thứ 2   | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5          | Thứ 6          |                                                              |
|                                                                         |                              |              |           |                                      |                 | 5/1     | 6/1            | 7/1    | 8/1     | 9/1     |       |    | 12/1    | 13/1  | 14/1  | 15/1           | 16/1           |                                                              |
| 27                                                                      | CNTT CD-K14A2                | T/Quang      | MH 24     | Thi kết thúc môn                     | 2               | 305-S   |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Quản lý dự án CNTT                                           |
| 27                                                                      | CNTT CD-K14A2                | C/T.Huyền    | MH 24     | Thi kết thúc môn                     | 2               | 305-S   |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Quản lý dự án CNTT                                           |
| 27                                                                      | CNTT CD-K14A2                | K.KH-KT-CNTT | MD 26     | Đồ án tốt nghiệp                     |                 |         | DATN           | DATN   |         |         |       |    | DATN    |       | DATN  |                |                |                                                              |
| 28                                                                      | CNTT CD-K15A1                | T/Lương      | MD 18     | Thiết kế đồ họa                      | 8               |         |                |        | 204-C   | 204-C   | 204-C |    |         |       |       | 204-C          | 204-C          |                                                              |
| 28                                                                      | CNTT CD-K15A1                | T/Quang      | MD 12     | Lắp ráp và BTMT                      | 8               |         |                | 202-C  |         |         |       |    |         |       | 203-S |                |                |                                                              |
| 28                                                                      | CNTT CD-K15A1                | C/Xuân       | MD 15     | Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL sever | 8               | 203-S   |                |        |         |         |       |    |         | 203-S |       |                |                |                                                              |
| 29                                                                      | CNTT CD-K15A2                | T/Lương      | MD 18     | Thiết kế đồ họa                      | 8               | 204-C   | 204-C          | 204-C  |         |         |       |    | 204-C   | 204-C | 204-C |                |                |                                                              |
| 29                                                                      | CNTT CD-K15A2                |              |           |                                      |                 |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |
| 30                                                                      | CNTT CD-K16A1                | C/Hoa        | MH 06     | Tiếng anh                            | 5               | 307-S   |                |        | 307-S   |         | 307-S |    |         | 307-S |       |                | 307-S          | Ghép CNTT K16A2 (Từ 26/12)                                   |
| 30                                                                      | CNTT CD-K16A1                | C/Phương     | MH 01     | Giáo dục chính trị                   | 5               |         | Hội trường B-C |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Ghép CNTT K16A2                                              |
| 30                                                                      | CNTT CD-K16A1                | C/Phương     | MH 01     | Thi kết thúc môn                     | 2               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       | Hội trường B-C |                |                                                              |
| 30                                                                      | CNTT CD-K16A1                | C/Tâm        | MH 01     | Thi kết thúc môn                     | 2               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                | Hội trường B-C |                                                              |
| 30                                                                      | CNTT CD-K16A1                | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất                    | 4               |         |                | TTVH-C |         |         |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |
| 31                                                                      | CNTT CD-K16A2                | C/Hoa        | MH 06     | Tiếng anh                            | 5               | 307-S   |                |        | 307-S   |         | 307-S |    |         | 307-S |       |                | 307-S          | Ghép CNTT K16A1 ( Từ 26/12)                                  |
| 31                                                                      | CNTT CD-K16A2                | C/Phương     | MH 01     | Giáo dục chính trị                   | 5               |         | Hội trường B-C |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Ghép CNTT K16A1                                              |
| 31                                                                      | CNTT CD-K16A2                | C/Phương     | MH 01     | Thi kết thúc môn                     | 2               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                | Hội trường B-C | Giáo dục chính trị                                           |
| 31                                                                      | CNTT CD-K16A2                | C/Tâm        | MH 01     | Thi kết thúc môn                     | 2               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Hội trường B-C                                               |
| 31                                                                      | CNTT CD-K16A2                | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất                    | 4               |         |                |        | TTVH-C  |         |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |
|                                                                         | CNTT CD-K16A3                | C/Huyền      | MH 06     | Tiếng anh                            | 5               |         |                |        |         | 307-C   | 307-C |    |         |       |       |                | 307-C          |                                                              |
|                                                                         | CNTT CD-K16A3                | T/Quang      | MH 09     | Mạng máy tính                        | 5               | 101-C   | 203-C          |        |         |         |       |    | 203-C   |       |       |                |                |                                                              |
|                                                                         | CNTT CD-K16A3                | C/Phương     | MH 02     | Pháp luật                            | 5               |         |                | 106-S  |         |         |       |    |         |       |       | 205-S          |                |                                                              |
|                                                                         | CNTT CD-K16A3                | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất                    | 1               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |
|                                                                         | CNTT CD-K16A3                | C/Hân        | MH 01     | Thi kết thúc môn                     | 2<br>Từ 13h30   |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       | P.TV-T4-C      |                |                                                              |
|                                                                         | CNTT CD-K16A3                | C/Phương     | MH 01     | Thi kết thúc môn                     | 2<br>Từ 13h30   |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                | P.TV-T4-C      |                                                              |
| 32                                                                      | CNTT K42B1 (Lớp 11A14)       | GVGB         | Văn hóa   |                                      |                 | 207     | 207            |        |         |         |       |    | 207     | 207   |       |                |                |                                                              |
| 32                                                                      | CNTT K42B1 (Lớp 11A14)       | C/Xuân       | MD 11     | Thi kết thúc môn                     | 4               |         |                |        |         |         | 203-S |    |         |       |       |                |                | Lập trình C++                                                |
| 32                                                                      | CNTT K42B1 (Lớp 11A14)       | C/H.Vân      | MD 11     | Thi kết thúc môn                     | 4               |         |                |        |         |         | 203-S |    |         |       |       |                |                | Lập trình C++                                                |
| 33                                                                      | CNTT K42B2 (Lớp 11A15)       | GVGB         | Văn hóa   |                                      |                 | 208     | 208            |        |         |         |       |    | 208     | 208   |       |                |                |                                                              |
| 33                                                                      | CNTT K42B2 (Lớp 11A15)       | C/Xuân       | MD 11     | Thi kết thúc môn                     | 4               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |
| 34                                                                      | CNTT01-K43B1 (Lớp 10A7+10A8) | GVGB         | Văn hóa   |                                      |                 |         |                |        | 102,103 | 102,103 |       |    |         |       |       | 102,103        | 102,103        |                                                              |
| 34                                                                      | CNTT01-K43B1 (Lớp 10A7+10A8) | C/Hoa        | MH 06     | Tiếng anh                            | 5               |         | 307-S          |        |         |         |       |    | 307-S   |       |       |                |                |                                                              |
| 34                                                                      | CNTT01-K43B1 (Lớp 10A7+10A8) | C/Huệ        | MD 07     | Thi kết thúc môn                     | 6               |         |                |        |         |         |       |    |         |       | 105-C |                |                |                                                              |
| 34                                                                      | CNTT01-K43B1 (Lớp 10A7+10A8) | T/D.Anh      | MD 07     | Thi kết thúc môn                     | 6               |         |                |        |         |         |       |    |         |       |       | 105-C          |                |                                                              |
| 35                                                                      | CNTT01-K43B2 (Lớp 10A14)     | GVGB         | Văn hóa   |                                      |                 |         |                |        | 208     | 208     |       |    |         |       |       | 208            | 208            |                                                              |
| 35                                                                      | CNTT01-K43B2 (Lớp 10A14)     | C/Huệ        | MD 07     | Thi kết thúc môn                     | 6               |         |                | 103-S  |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên |
| 35                                                                      | CNTT01-K43B2 (Lớp 10A14)     | C/Xuân       | MD 07     | Thi kết thúc môn                     | 4               |         |                | 103-S  |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên |
| 35                                                                      | CNTT01-K43B2 (Lớp 10A14)     | C/Hoa        | MH 06     | Thi kết thúc môn                     | 2               | 307-C   |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Tiếng anh                                                    |
| 35                                                                      | CNTT01-K43B2 (Lớp 10A14)     | C/Nhung      | MH 06     | Thi kết thúc môn                     | 2               | 307-C   |                |        |         |         |       |    |         |       |       |                |                | Tiếng anh                                                    |
| 36                                                                      | Cơ điện tử CD-K14A1          | K.CNCK       |           | Đồ án tốt nghiệp                     |                 | DATN    | DATN           | DATN   | DATN    | DATN    | DATN  |    | DATN    | DATN  | DATN  | DATN           | DATN           |                                                              |
| 37                                                                      | Cơ điện tử CD-K14A2          | T/Dự         | MH 05     | Tin học                              | 5               | 204-S   |                | 204-S  |         | 204-S   |       |    |         |       |       |                |                |                                                              |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                     |            |           |                       |                 |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   |                   |                  |                   |                   |                            |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------------|-------------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|----|-------------------|-------------------|------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|
| STT                                                                     | Lớp                 | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD            | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19           |                    |                   |                   |                   |                   | CN | Tuần 20           |                   |                  |                   |                   | Ghi chú                    |
|                                                                         |                     |            |           |                       |                 | Thứ 2             | Thứ 3              | Thứ 4             | Thứ 5             | Thứ 6             |                   |    | Thứ 2             | Thứ 3             | Thứ 4            | Thứ 5             | Thứ 6             |                            |
|                                                                         |                     |            |           |                       |                 | 5/1               | 6/1                | 7/1               | 8/1               | 9/1               |                   |    | 12/1              | 13/1              | 14/1             | 15/1              | 16/1              |                            |
| 37                                                                      | Cơ điện tử CD-K14A2 | T/Dự       | MH 05     | Thi kết thúc môn      | 2<br>Từ 13h     |                   |                    |                   |                   |                   | 202-C             |    |                   |                   |                  |                   |                   | Tin học                    |
| 37                                                                      | Cơ điện tử CD-K14A2 | C/T.Huyền  | MH 05     | Thi kết thúc môn      | 2<br>Từ 13h     |                   |                    |                   |                   |                   | 202-C             |    |                   |                   |                  |                   |                   | Tin học                    |
| 37                                                                      | Cơ điện tử CD-K14A2 | K.CNCK     | MD 32     | Đồ án tốt nghiệp      |                 |                   | DATN               |                   | DATN              |                   |                   |    | DATN              | DATN              | DATN             | DATN              | DATN              |                            |
| 38                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A1 | T/Ba       | MD 24     | CAD/CAM/CNC           | 8               | PLT (ODA) - C     | PLT (ODA) - C      | PLT (ODA) - C     | PLT (ODA) - C     |                   | PLT (ODA) - C     |    |                   | PLT (ODA) - C     | PLT (ODA) - C    |                   |                   |                            |
| 38                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A1 | T/Ba       | MD 24     | Thi kết thúc môn      | 4               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   |                   |                  | PLT (ODA) - C     |                   | CAD/CAM/CNC                |
| 38                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A1 | C/T.Xuân   | MH 02     | Pháp luật             | 5               |                   |                    |                   |                   | 306-C             |                   |    | 206-S             |                   |                  |                   |                   |                            |
| 39                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A2 | T/H.Thiết  | MD 22     | Gia công tiện         | 8               | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S   | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S  |                   |                   |    | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S |                   | X/TIEN (ODA) - S  | Ghép CBT K15A3             |
| 39                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A2 | C/Hoa      | MH 06     | Tiếng anh             | 5               |                   |                    |                   |                   | 307-S             |                   |    |                   |                   |                  | 307-S             |                   | Ghép                       |
| 40                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A3 | C/Hoa      | MH 06     | Tiếng anh             | 5               |                   |                    |                   |                   | 307-S             |                   |    |                   |                   |                  | 307-S             |                   | Ghép                       |
| 40                                                                      | Cơ điện tử CD-K15A3 | T/H.Thiết  | MD 22     | Gia công tiện         | 8               | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S   | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S  |                   |                   |    | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S  | X/TIEN (ODA) - S |                   | X/TIEN (ODA) - S  |                            |
| 41                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A1 | T/Hà       | MH 03     | Giáo dục thể chất     | 4               |                   |                    |                   | TTVH-S            |                   |                   |    |                   | TTVH-S            |                  |                   |                   |                            |
| 41                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A1 | T/Hoàn     | MD 13     | Thiết kế trên AutoCad | 6               |                   | P.TKCK 1 (ODA) - S |                   |                   | PLT (ODA) - S     |                   |    |                   |                   |                  |                   | PLT (ODA) - S     |                            |
| 41                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A1 | T/Nghiêm   | MD 16     | Truyền động cơ khí    | 6               |                   |                    |                   |                   |                   | X/CBT 1 (ODA) - S |    |                   |                   |                  | X/CBT 1 (ODA) - S |                   |                            |
| 41                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A1 | C/Thu      | MD 17     | Điện kỹ thuật         | 6               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    | X/CBT 2 (ODA) - C |                   |                  |                   |                   |                            |
| 41                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A1 | T/D.Dũng   | MH 11     | Cơ lý thuật           | 5               |                   |                    | X/CBT (D) - S     |                   |                   |                   |    |                   |                   | X/CBT (D) - C    |                   |                   |                            |
| 42                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A2 | T/H.Thiết  | MD 13     | Thiết kế trên AutoCad | 6               |                   |                    |                   |                   |                   | PLT (ODA) - S     |    |                   |                   |                  | PLT (ODA) - C     |                   |                            |
| 42                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A2 | C/Thu      | MD 17     | Điện kỹ thuật         | 6               | X/CBT 2 (ODA) - C |                    |                   |                   |                   |                   |    | X/CBT 2 (ODA) - C | X/CBT 2 (ODA) - C |                  |                   |                   |                            |
| 42                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A2 | T/Nghiêm   | MD 16     | Truyền động cơ khí    | 6               |                   |                    | X/CBT 1 (ODA) - S | X/CBT 1 (ODA) - S | X/CBT 1 (ODA) - S |                   |    | X/CBT 1 (ODA) - S |                   |                  |                   |                   |                            |
| 43                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A3 | T/Sinh     | MH 03     | Giáo dục thể chất     | 4               | TTVH-S            |                    |                   |                   |                   |                   |    | TTVH-C            |                   |                  |                   |                   |                            |
| 43                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A3 | T/D.Dũng   | MH 11     | Cơ lý thuật           | 5               |                   |                    |                   | X/CBT (D) - S     | X/CBT (D) - S     | X/CBT (D) - S     |    |                   | X/CBT (D) - S     |                  |                   |                   |                            |
| 43                                                                      | Cơ điện tử CD-K16A3 | C/Thu      | MD 18     | Kỹ thuật Điện tử      | 6               |                   | X/CBT 1 (ODA) - C  | X/CBT 1 (ODA) - C |                   |                   |                   |    |                   |                   |                  | X/CBT 1 (ODA) - C | X/CBT 1 (ODA) - C |                            |
| 44                                                                      | ĐCN CD-K14A1        | T/Huân     | MD 28     | Hệ thống SCADA        | 8               | P.D-DT (ODA) - S  | P.D-DT (ODA) - S   |                   |                   |                   | P.D-DT (ODA) - S  |    | P.D-DT (ODA) - S  | P.D-DT (ODA) - S  |                  |                   |                   |                            |
| 44                                                                      | ĐCN CD-K14A1        | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp      |                 |                   |                    | DATN              | DATN              | DATN              |                   |    |                   |                   | DATN             | DATN              | DATN              |                            |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | T/Huân     | MD 28     | Hệ thống SCADA        | 8               |                   |                    | P.D-DT (ODA) - S  | P.D-DT (ODA) - S  |                   |                   |    |                   |                   |                  |                   |                   |                            |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | T/Huân     | MD 28     | Thi kết thúc môn      | 4               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   |                   |                  | P.D-DT (ODA) - S  |                   | Hệ thống SCADA             |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | T/Hậu      | MD 28     | Thi kết thúc môn      | 4               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   |                   |                  | P.D-DT (ODA) - S  |                   | Hệ thống SCADA             |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | C/T.Huyền  | MH 05     | Tin học               | 5               |                   |                    |                   |                   | 202-C             |                   |    |                   |                   |                  |                   |                   | Tin học                    |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | C/T.Huyền  | MH 05     | Thi kết thúc môn      | 2<br>Từ 15h     |                   |                    |                   |                   |                   | 202-C             |    |                   |                   |                  |                   |                   | Tin học                    |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | T/Dự       | MH 05     | Thi kết thúc môn      | 2<br>Từ 15h     |                   |                    |                   |                   |                   | 202-C             |    |                   |                   |                  |                   |                   | Tin học                    |
| 45                                                                      | ĐCN CD-K14A2        | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp      |                 |                   | DATN               | DATN              |                   |                   |                   |    | DATN              | DATN              | DATN             |                   | DATN              |                            |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | T/Trung    | MD 28     | Hệ thống SCADA        | 8               |                   |                    | P.D-DT (ODA) - C  |                   |                   |                   |    |                   |                   |                  |                   |                   |                            |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | T/Trung    | MD 28     | Thi kết thúc môn      | 4<br>Từ 13h00   |                   |                    |                   |                   |                   | P.D-DT (ODA) - C  |    |                   |                   |                  |                   |                   | Hệ thống SCADA             |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | T/Hậu      | MD 28     | Thi kết thúc môn      | 4<br>Từ 13h00   |                   |                    |                   |                   |                   | P.D-DT (ODA) - C  |    |                   |                   |                  |                   |                   | Hệ thống SCADA             |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | C/Thủy     | MH 09     | Thiết kế mạch điện    | 5               | P.D-DT (ODA) - C  |                    |                   |                   | 405-S             |                   |    | P.D-DT (ODA) - C  |                   |                  |                   |                   |                            |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | C/Thủy     | MH 09     | Thi kết thúc môn      | 2               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   |                   | 405-S            |                   |                   | Thiết kế mạch điện         |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | T/Nhung    | MH 09     | Thi kết thúc môn      | 2               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   |                   | 405-S            |                   |                   | Thiết kế mạch điện         |
| 46                                                                      | ĐCN CD-K14A3        | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp      |                 |                   |                    | DATN              |                   | DATN              |                   |    |                   | DATN              |                  | DATN              | DATN              |                            |
| 47                                                                      | ĐCN CD-K14A4        | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp      |                 |                   | DATN               | DATN              | DATN              | DATN              | DATN              |    |                   | DATN              | DATN             | DATN              | DATN              |                            |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1        | C/Hiền     | MD 22     | Điện tử công suất     | 8               |                   |                    |                   |                   | 406-S             | 406-S             |    |                   |                   |                  |                   |                   |                            |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1        | T/Hậu      | MD 22     | Thi kết thúc môn      | 4               |                   |                    |                   |                   |                   |                   |    |                   | 406-S             |                  |                   |                   | C/Hiền - Điện tử công suất |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |              |            |           |                          |                 |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-----------|--------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------|------------|----------------|----------------|--|-----------------|------------|----------------|----------------|------------|--|------------------------------|--|
| STT                                                                     | Lớp          | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD               | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19         |                 |            |            |                |                |  | Tuần 20         |            |                |                |            |  |                              |  |
|                                                                         |              |            |           |                          |                 | Thứ 2           | Thứ 3           | Thứ 4      | Thứ 5      | Thứ 6          |                |  | Thứ 2           | Thứ 3      | Thứ 4          | Thứ 5          | Thứ 6      |  |                              |  |
|                                                                         |              |            |           |                          |                 | 5/1             | 6/1             | 7/1        | 8/1        | 9/1            |                |  | 10/1            | 11/1       | 12/1           | 13/1           | 14/1       |  |                              |  |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1 | T/Nhung    | MD 22     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 | 406-S      |                |                |            |  | Điện tử công suất            |  |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1 | T/Nhung    | MD 23     | Trang bị điện            | 8               | 304-C           | 304-C           | 304-C      | 304-C      |                |                |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1 | T/Nhung    | MD 23     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | 304-C           |            |                |                |            |  | Trang bị điện                |  |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1 | T/Dũng     | MD 23     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | 304-C           |            |                |                |            |  | Trang bị điện                |  |
| 48                                                                      | ĐCN CD-K15A1 | C/Hồng     | MD 26     | Điều khiển lập trình PLC | 8               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 | 403-S      | 403-S          | 403-S          |            |  |                              |  |
| 49                                                                      | ĐCN CD-K15A2 | K.Điện     | MD 29     | Thực tập tốt nghiệp      |                 |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                |                |            |  | Từ 23/10/2025 đến 23/01/2026 |  |
| 50                                                                      | ĐCN CD-K15A3 | C/Hồng     | MD 22     | Thi kết thúc môn         | 4               | 406-S           |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                |                |            |  | C/Quyền - Điện tử công suất  |  |
| 50                                                                      | ĐCN CD-K15A3 | T/Vui      | MD 22     | Thi kết thúc môn         | 4               | 406-S           |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                |                |            |  | C/Quyền - Điện tử công suất  |  |
| 50                                                                      | ĐCN CD-K15A3 | T/Phước    | MD 14     | Sử dụng dụng cụ cầm tay  | 8               |                 |                 |            |            | X/ĐC (ODA) - S | X/ĐC (ODA) - S |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
| 50                                                                      | ĐCN CD-K15A3 | T/Phước    | MD 14     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | X/ĐC (ODA) - S  |            |                |                |            |  | Sử dụng dụng cụ cầm tay      |  |
| 50                                                                      | ĐCN CD-K15A3 | T/Hạnh     | MH 18     | Truyền động điện         | 5               |                 | 304-S           | 304-S      | 304-S      |                |                |  |                 | 304-S      | 304-S          | 304-S          |            |  |                              |  |
| 51                                                                      | ĐCN CD-K15A4 | C/Hiền     | MD 22     | Điện tử công suất        | 8               |                 |                 |            | 406-S      |                |                |  |                 |            | 406-C          | 406-C          |            |  |                              |  |
| 51                                                                      | ĐCN CD-K15A4 | T/Hạnh     | MD 23     | Trang bị điện            | 8               | 501-S           |                 |            |            |                | 501-S          |  |                 |            |                |                | 501-C      |  |                              |  |
| 51                                                                      | ĐCN CD-K15A4 | C/Thủy     | MD 16     | Thực hành máy điện       | 8               |                 | 506-S           | 506-S      |            | 506-S          |                |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
| 51                                                                      | ĐCN CD-K15A4 | C/Thủy     | MD 16     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | 506-S           |            |                |                |            |  | Thực hành máy điện           |  |
| 51                                                                      | ĐCN CD-K15A4 | T/Dũng     | MD 16     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | 506-S           |            |                |                |            |  | Thực hành máy điện           |  |
| 51                                                                      | ĐCN CD-K15A4 | C/Sử       | MD 26     | Điều khiển lập trình PLC | 8               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 | 403-S      |                |                |            |  |                              |  |
| 52                                                                      | ĐCN CD-K15A5 | T/Phượng   | MD 24     | Kỹ thuật lắp đặt điện    | 8               |                 |                 |            | P.24/7/1-S | P.24/7/1-S     | P.24/7/1-S     |  |                 |            | P.24/7/1-S     | P.24/7/1-S     | P.24/7/1-S |  |                              |  |
| 52                                                                      | ĐCN CD-K15A5 | T/Hộ       | MD 21     | Điều khiển điện khí nén  | 8               | P.CDT (ODA) - S | P.CDT (ODA) - S |            |            |                |                |  | P.CDT (ODA) - C |            |                |                |            |  |                              |  |
| 52                                                                      | ĐCN CD-K15A5 | C/Huyền    | MH 06     | Tiếng anh                | 5               |                 |                 | 105-C      |            |                |                |  |                 | 503-C      |                |                |            |  |                              |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | T/Dức      | MH 03     | Giáo dục thể chất        | 2               |                 |                 |            |            | TTVH-C         |                |  |                 |            |                |                |            |  | Ghép ĐCN K16A5               |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | T/Dức      | MH 03     | Thi kết thúc môn         | 2               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                | TTVH-S         |            |  | Ghép ĐCN K16A5               |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | T/Hà       | MH 03     | Thi kết thúc môn         | 2               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                | TTVH-S         |            |  | Ghép ĐCN K16A5               |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | C/Ninh     | MH 06     | Tiếng anh                | 5               |                 |                 |            | 308-C      |                |                |  | 205-C           |            |                |                |            |  |                              |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | T/Phước    | MD 14     | Sử dụng dụng cụ cầm tay  | 6               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            | X/ĐC (ODA) - C |                |            |  |                              |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | T/Dũng     | MD 12     | Máy điện                 | 6               | P.24/7/1-C      | P.24/7/1-C      | P.24/7/1-C |            |                | P.24/7/1-C     |  |                 | P.24/7/1-C |                |                |            |  |                              |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | T/Dũng     | MD 12     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                | P.24/7/2-S     |            |  | Máy điện                     |  |
| 53                                                                      | ĐCN CD-K16A1 | C/L. Hiên  | MD 12     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            |                | P.24/7/2-S     |            |  | Máy điện                     |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | C/Hiền     | MD 12     | Máy điện                 | 6               | 406-C           | 406-C           |            |            |                |                |  | 406-C           |            |                | 406-C          |            |  |                              |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | T/D. Hưng  | MD 13     | Thi kết thúc môn         | 4<br>Từ 13h00   |                 |                 |            |            |                | 507-C          |  |                 |            |                |                |            |  | Kỹ thuật điện tử             |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | T/Nghĩa    | MD 13     | Thi kết thúc môn         | 4<br>Từ 13h00   |                 |                 |            |            |                | 507-C          |  |                 |            |                |                |            |  | Kỹ thuật điện tử             |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | C/Tâm      | MH 01     | Thi kết thúc môn         | 2               |                 |                 |            | 104-S      |                |                |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | T/D. Anh   | MH 01     | Thi kết thúc môn         | 2               |                 |                 |            | 104-S      |                |                |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | C/T. Xuân  | MH 02     | Pháp luật                | 5               |                 |                 |            |            |                |                |  |                 |            | 104-S          | Hội trường B-S |            |  |                              |  |
| 54                                                                      | ĐCN CD-K16A2 | T/Đoàn     | MH 11     | An toàn lao động         | 5               |                 |                 |            | 305-C      | 305-C          |                |  |                 | 507-C      |                |                |            |  |                              |  |
| 55                                                                      | ĐCN CD-K16A3 | T/Điền     | MD 13     | Kỹ thuật điện tử         | 6               |                 | 507-S           | 507-S      |            |                |                |  |                 |            |                |                |            |  |                              |  |
| 55                                                                      | ĐCN CD-K16A3 | T/Điền     | MD 13     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | 507-S           |            |                |                |            |  | Kỹ thuật điện tử             |  |
| 55                                                                      | ĐCN CD-K16A3 | T/Trung    | MD 13     | Thi kết thúc môn         | 4               |                 |                 |            |            |                |                |  | 507-S           |            |                |                |            |  | Kỹ thuật điện tử             |  |
| 55                                                                      | ĐCN CD-K16A3 | T/M. Hùng  | MH11      | An toàn lao động         | 5               |                 |                 |            |            | 305-S          |                |  |                 |            |                | 305-S          | 305-S      |  |                              |  |
| 55                                                                      | ĐCN CD-K16A3 | C/T. Xuân  | MH 01     | Giáo dục chính trị       | 5               |                 |                 |            | 308-S      |                | 208-S          |  |                 | 503-S      |                |                |            |  |                              |  |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                           |            |           |                         |                 |                |                |       |        |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------|-------------------------|-----------------|----------------|----------------|-------|--------|--------|-------|------|----------|----------|------------|---------------|-------|--------------------|------|---------|
| STT                                                                     | Lớp                       | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD              | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19        |                |       |        |        |       |      | Tuần 20  |          |            |               |       |                    |      | Ghi chú |
|                                                                         |                           |            |           |                         |                 | Thứ 2          | Thứ 3          | Thứ 4 | Thứ 5  | Thứ 6  | Thứ 7 | CN   | Thứ 2    | Thứ 3    | Thứ 4      | Thứ 5         | Thứ 6 | Thứ 7              | CN   |         |
|                                                                         |                           |            |           |                         |                 | 5/1            | 6/1            | 7/1   | 8/1    | 9/1    | 10/1  | 11/1 | 12/1     | 13/1     | 14/1       | 15/1          | 16/1  | 17/1               | 18/1 |         |
| 55                                                                      | ĐCN CB-K16A3              | T/Đức      | MH 03     | Giáo dục thể chất       | 4               | TTVH-C         |                |       |        |        |       |      |          | TTVH-C   |            |               |       |                    |      |         |
| 56                                                                      | ĐCN CB-K16A4              | T/Bắc      | MD 12     | Máy điện                | 6               |                |                |       | 408-C  | 408-C  | 408-C |      |          |          | 408-C      | 408-C         |       |                    |      |         |
| 56                                                                      | ĐCN CB-K16A4              | C/Tâm      | MH 01     | Giáo dục chính trị      | 5               |                | 303-C          | 306-C |        |        |       |      |          | 306-C    |            |               |       |                    |      |         |
| 56                                                                      | ĐCN CB-K16A4              | T/D.Hưng   | MD 16     | Kỹ thuật cảm biến       | 6               |                |                |       |        |        |       |      | 502-S    | 405-S    |            |               |       |                    |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/D.Hưng   | MD 13     | Kỹ thuật điện tử        | 6               | 507-C          | 507-C          |       |        |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/D.Hưng   | MD 13     | Thi kết thúc môn        | 4               |                |                |       |        |        |       |      |          | 507-S    |            |               |       | Kỹ thuật điện tử   |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/Hậu      | MD 13     | Thi kết thúc môn        | 4               |                |                |       |        |        |       |      |          | 507-S    |            |               |       | Kỹ thuật điện tử   |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/Năng     | MD 12     | Máy điện                | 6               |                |                |       |        |        | 408-S |      |          |          |            | 408-S         |       |                    |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/V.Thực   | MH11      | An toàn lao động        | 5               |                |                | 306-S | 306-S  |        |       |      | 306-S    | 306-S    |            |               |       |                    |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/Đức      | MH 03     | Giáo dục thể chất       | 2               |                |                |       |        | TTVH-C |       |      |          |          |            |               |       | Ghép ĐCN K16A1     |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/Đức      | MH 03     | Thi kết thúc môn        | 2               |                |                |       |        |        |       |      |          |          | TTVH-S     |               |       | Ghép ĐCN K16A1     |      |         |
| 57                                                                      | ĐCN CB-K16A5              | T/Hà       | MH 03     | Thi kết thúc môn        | 2               |                |                |       |        |        |       |      |          |          | TTVH-S     |               |       | Ghép ĐCN K16A1     |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/Sinh     | MH 03     | Thi kết thúc môn        | 2               |                |                |       | TTVH-C |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/Đức      | MH 03     | Thi kết thúc môn        | 2               |                |                |       | TTVH-C |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/D.Hưng   | MD 13     | Kỹ thuật điện tử        | 5               |                |                | 504-S |        |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/D.Hưng   | MD 13     | Thi kết thúc môn        | 4               |                |                |       |        |        | 504-S |      |          |          |            |               |       | Kỹ thuật điện tử   |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/Hậu      | MD 13     | Thi kết thúc môn        | 4               |                |                |       |        |        | 504-S |      |          |          |            |               |       | Kỹ thuật điện tử   |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/Năng     | MD 12     | Máy điện                | 6               |                |                |       |        |        |       |      |          | 303-S    | 303-S      |               |       |                    |      |         |
| 58                                                                      | ĐCN CB-K16A6              | T/Phước    | MD 14     | Sử dụng dụng cụ cầm tay | 6               | XĐC (ODA) - S  | XĐC (ODA) - S  |       |        |        |       |      |          |          |            | XĐC (ODA) - S |       |                    |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | C/Thương   | MD 13     | Kỹ thuật điện tử        | 6               |                |                | 504-C |        |        | 504-C |      |          | 504-C    |            |               |       |                    |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | C/Thúy     | MD 12     | Máy điện                | 6               |                |                |       |        |        |       |      | 506-S    |          | 506-S      | 506-S         |       |                    |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | C/T.Xuân   | MH 02     | Pháp luật               | 5               | Hội trường B-S | Hội trường B-S |       |        |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | C/T.Xuân   | MH 02     | Thi kết thúc môn        | 2               |                |                |       |        |        |       |      | 206-C    |          |            |               |       | Pháp luật          |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | C/Phương   | MH 02     | Thi kết thúc môn        | 2               |                |                |       |        |        |       |      | 206-C    |          |            |               |       | Pháp luật          |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | T/V.Thực   | MH 11     | Thi kết thúc môn        | 2<br>(Từ 13h30) |                |                |       | 306-C  |        |       |      |          |          |            |               |       | An toàn lao động   |      |         |
| 59                                                                      | ĐCN CB-K16A7 (GT)         | C/L.Hiền   | MH 11     | Thi kết thúc môn        | 2<br>(Từ 13h30) |                |                |       | 306-C  |        |       |      |          |          |            |               |       | An toàn lao động   |      |         |
| 60                                                                      | ĐCN CB-K16A8 (GT)         | C/Sử       | MH 08     | Thi kết thúc môn        | 2<br>(Từ 15h)   |                |                | 103-C |        |        |       |      |          |          |            |               |       | T/Huân - Mạch điện |      |         |
| 60                                                                      | ĐCN CB-K16A8 (GT)         | T/Bách     | MH 08     | Thi kết thúc môn        | 2<br>(Từ 15h)   |                |                | 103-C |        |        |       |      |          |          |            |               |       | Mạch điện          |      |         |
| 60                                                                      | ĐCN CB-K16A8 (GT)         | T/Bách     | MD 10     | Khí cụ điện             | 6               |                |                |       | 303-S  | 303-S  | 303-S |      |          |          |            | 303-S         |       |                    |      |         |
| 60                                                                      | ĐCN CB-K16A8 (GT)         | T/Đoàn     | MH11      | An toàn lao động        | 5               | 303-S          | 303-S          |       |        |        |       |      | 303-S    |          | 103-S      | 306-S         |       |                    |      |         |
| 61                                                                      | ĐCN K41B1 (Lớp 12A6)      | GVGB       | Văn hóa   |                         |                 |                | 305            | 305   |        |        | 305   |      |          | 305      | 305        |               | 305   |                    |      |         |
| 61                                                                      | ĐCN K41B1 (Lớp 12A6)      | K.Điện     |           |                         |                 |                |                |       |        |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |
| 62                                                                      | ĐCN K41B2 (Lớp 12A6)      | GVGB       | Văn hóa   |                         |                 |                | 305            | 305   |        |        | 305   |      |          | 305      | 305        |               | 305   |                    |      |         |
| 62                                                                      | ĐCN K41B2 (Lớp 12A6)      | T/Khoa     | MD 22     | Kỹ thuật lắp đặt điện   | 8               |                |                |       |        |        |       |      |          |          | P.24/7/2-C | P.24/7/2-C    |       |                    |      |         |
| 63                                                                      | ĐCN K42B1 (Lớp 11A9)      | GVGB       | Văn hóa   |                         |                 | 102            | 102            |       |        |        |       |      | 102      | 102      |            |               |       |                    |      |         |
| 63                                                                      | ĐCN K42B1 (Lớp 11A9)      | C/Nhung    | MH 06     | Tiếng anh               | 5               |                |                |       |        | 101-S  |       |      |          |          |            | 101-S         |       |                    |      |         |
| 64                                                                      | ĐCN K42B2 (Lớp 11A9+1110) | GVGB       | Văn hóa   |                         |                 | 102, 103       | 102, 103       |       |        |        |       |      | 102, 103 | 102, 103 |            |               |       |                    |      |         |
| 64                                                                      | ĐCN K42B2 (Lớp 11A9+1110) | C/Hà       | MH 06     | Tiếng anh               | 5               |                |                |       |        |        |       |      |          |          |            | 205-C         |       |                    |      |         |
| 65                                                                      | ĐCN01-K43B1 (Lớp 10A7)    | GVGB       | Văn hóa   |                         |                 |                |                | 102   | 102    |        |       |      |          |          | 102        | 102           |       |                    |      |         |
| 65                                                                      | ĐCN01-K43B1 (Lớp 10A7)    |            |           |                         |                 |                |                |       |        |        |       |      |          |          |            |               |       |                    |      |         |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                             |            |           |                                                                          |                 |            |            |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------|---------------|---------------|---------------|---------------|--|---------------|---------------|--------|-----------|-------|--|------------------------------------------------------------|---------|-------|-------|-------|------|
| STT                                                                     | Lớp                         | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD                                                               | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19    |            |               |               |               |               |  | Tuần 20       |               |        |           |       |  |                                                            | Ghi chú |       |       |       |      |
|                                                                         |                             |            |           |                                                                          |                 | Thứ 2      | Thứ 3      | Thứ 4         | Thứ 5         | Thứ 6         |               |  | Thứ 7         | CN            | Thứ 2  | Thứ 3     | Thứ 4 |  |                                                            |         | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | CN   |
|                                                                         |                             |            |           |                                                                          |                 | 5/1        | 6/1        | 7/1           | 8/1           | 9/1           |               |  | 10/1          | 11/1          | 12/1   | 13/1      | 14/1  |  |                                                            |         | 15/1  | 16/1  | 17/1  | 18/1 |
| 66                                                                      | ĐC N01-K43B2<br>(Lớp 10A8 ) | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |            |            | 103           | 103           |               |               |  |               |               | 103    | 103       |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 66                                                                      | ĐC N01-K43B2<br>(Lớp 10A8 ) | C/Tâm      | MH 01     | Giáo dục chính trị                                                       | 5               |            |            |               |               |               |               |  | P.TV-T4-C     |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 67                                                                      | ĐC N02-K43B3<br>(Lớp 10A9)  | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |            |            | 104           | 104           |               |               |  |               |               | 104    | 104       |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 67                                                                      | ĐC N02-K43B3<br>(Lớp 10A9)  |            |           |                                                                          |                 |            |            |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 68                                                                      | ĐC N02-K43B4<br>(Lớp 10A9)  | GVGB       | Văn hóa   |                                                                          |                 |            |            | 104           | 104           |               |               |  |               |               | 104    | 104       |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 68                                                                      | ĐC N02-K43B4<br>(Lớp 10A9)  | T/Bách     | MD 09     | Đo lường điện - điện tử                                                  | 6               | P.24/7/1-S | P.24/7/1-S |               |               |               |               |  | P.24/7/1-S    |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 69                                                                      | DTCN CB-K14A1               | T/Vui      | MD 09     | MD 09: Kiểm tra và vận hành hệ thống với các bộ điều khiển và điều chỉnh | 8               |            |            | 301-C         | 301-C         | 301-C         |               |  | 301-C         | 301-C         | 301-C  |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 69                                                                      | DTCN CB-K14A1               | C/Hân      | MH 05     | Tin học                                                                  | 5               |            | 204-S      |               |               |               | 204-S         |  |               |               | 204-S  | online    |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 69                                                                      | DTCN CB-K14A1               | T/Trung    | MD 09     | MD 09: Kiểm tra và vận hành hệ thống với các bộ điều khiển và điều chỉnh | 8               | 405-C      |            |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 70                                                                      | DTCN CB-K14A2               | T/Dự       | MH 05     | Thi kết thúc môn                                                         | 2               |            |            |               |               |               |               |  | 204-S         |               |        |           |       |  | Tin học                                                    |         |       |       |       |      |
| 70                                                                      | DTCN CB-K14A2               | C/T.Huyền  | MH 05     | Thi kết thúc môn                                                         | 2               |            |            |               |               |               |               |  | 204-S         |               |        |           |       |  | Tin học                                                    |         |       |       |       |      |
| 70                                                                      | DTCN CB-K14A2               | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp                                                         |                 | DATN       | DATN       | DATN          | DATN          | DATN          | DATN          |  |               | DATN          | DATN   | DATN      | DATN  |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 71                                                                      | DTCN CB-K14A3               | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp                                                         |                 | DATN       | DATN       | DATN          | DATN          | DATN          | DATN          |  | DATN          | DATN          | DATN   | DATN      | DATN  |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 72                                                                      | DTCN CB-K14A4               | K.Diện     | MD 29     | Đồ án tốt nghiệp                                                         |                 | DATN       | DATN       | DATN          | DATN          | DATN          | DATN          |  | DATN          | DATN          | DATN   | DATN      | DATN  |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 73                                                                      | DTCN CB-K14A5               | K.Diện     |           | Đồ án tốt nghiệp                                                         |                 | DATN       | DATN       | DATN          | DATN          | DATN          | DATN          |  | DATN          | DATN          | DATN   | DATN      | DATN  |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 74                                                                      | DTCN CB-K15A1               | C/Xuân     | MH 05     | Tin học (Học trực tiếp)                                                  | 5               |            |            | 203-C         | 203-C         |               | Online        |  |               |               | 203-C  | 203-C     |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 74                                                                      | DTCN CB-K15A1               | T/Phượng   | MD 04     | Kỹ thuật điều khiển và hệ thống công nghệ thông tin cơ bản               | 8               | 401-C      | 401-C      |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 74                                                                      | DTCN CB-K15A1               | T/Phượng   | MD 04     | Thi kết thúc môn                                                         | 8               |            |            |               |               |               |               |  |               | 401-C         |        |           |       |  | Kỹ thuật điều khiển và hệ thống công nghệ thông tin cơ bản |         |       |       |       |      |
| 74                                                                      | DTCN CB-K15A1               | T/Nghĩa    | MD 04     | Thi kết thúc môn                                                         | 8               |            |            |               |               |               |               |  |               | 401-C         |        |           |       |  | Kỹ thuật điều khiển và hệ thống công nghệ thông tin cơ bản |         |       |       |       |      |
| 74                                                                      | DTCN CB-K15A1               | T/Phượng   | MD 06     | Kiểm tra và bảo trì các máy móc và thiết bị                              | 8               |            |            |               |               |               |               |  | 401-C         |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 74                                                                      | DTCN CB-K15A1               | C/Thu 87   | MD 05     | Đảm bảo cung cấp điện và an toàn cho thiết bị                            | 8               |            |            |               |               | 407-S         |               |  |               |               |        |           | 407-C |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 75                                                                      | DTCN CB-K15A2               | K.Diện     | MD 28     | Thực tập tốt nghiệp                                                      |                 |            |            |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  | Từ 05/01/2026 đến 30/03/2026                               |         |       |       |       |      |
| 76                                                                      | DTCN CB-K15A3               | K.Diện     |           | Thực tập tốt nghiệp                                                      |                 |            |            |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  | Từ 23/10/2025 đến 23/01/2026                               |         |       |       |       |      |
| 77                                                                      | DTCN CB-K15A4               | C/Ninh     | MH 06     | Tiếng anh                                                                | 5               |            | 405-S      |               |               |               |               |  |               |               |        | 507-S     |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 77                                                                      | DTCN CB-K15A4               | C/L.Hiền   | MD 23     | Điều khiển lập trình PLC                                                 | 8               | 403-S      |            |               |               |               |               |  |               |               | 407-S  | 407-S     |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 77                                                                      | DTCN CB-K15A4               | C/Hồng     | MD 19     | Điều khiển điện khí nén                                                  | 8               |            |            | P.CBT (ODA)-S | P.CBT (ODA)-S | P.CBT (ODA)-S | P.CBT (ODA)-S |  | P.CBT (ODA)-S | P.CBT (ODA)-S |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 78                                                                      | DTCN CB-K15A5               | K.Diện     |           | Thực tập tốt nghiệp                                                      |                 |            |            |               |               |               |               |  |               |               |        |           |       |  | Từ 23/10/2025 đến 23/01/2026                               |         |       |       |       |      |
| 79                                                                      | DTCN CB-K16A1               | T/Hộ       | MD 01     | Kỹ thuật điện cơ bản                                                     | 8               |            |            |               |               |               |               |  |               |               |        | 402-S     |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 79                                                                      | DTCN CB-K16A1               | T/Hạnh     | MD 02     | Lắp đặt hệ thống cung cấp điện                                           | 8               |            |            |               |               | 501-S         |               |  | 501-S         |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 79                                                                      | DTCN CB-K16A1               | C/Huyền    | MH 06     | Tiếng anh                                                                | 5               |            | 306-S      |               |               |               |               |  |               |               | 208-S  |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 79                                                                      | DTCN CB-K16A1               | T/Đức      | MH 03     | Giáo dục thể chất                                                        | 4               | TTVH-S     |            | TTVH-S        |               |               |               |  |               | TTVH-C        |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 79                                                                      | DTCN CB-K16A1               | C/Tâm      | MH 01     | Giáo dục chính trị                                                       | 5               |            |            |               | P.TV-T4-S     |               |               |  |               |               |        | P.TV-T4-S |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 80                                                                      | DTCN CB-K16A2               | C/Nga      | MD 12     | Máy điện                                                                 | 6               | 404-S      |            | 402-S         |               |               |               |  | 404-C         | 404-C         |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 80                                                                      | DTCN CB-K16A2               | T/D.Hưng   | MD 15     | Thiết kế mạch điện tử                                                    | 6               |            |            |               | 402-S         | 402-S         |               |  |               |               |        | 402-S     | 402-C |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 80                                                                      | DTCN CB-K16A2               | T/Sinh     | MH 03     | Giáo dục thể chất                                                        | 4               |            | TTVH-S     |               |               |               | TTVH-S        |  |               |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 81                                                                      | DTCN CB-K16A3               | C/Thương   | MD 13     | Kỹ thuật mạch điện tử                                                    | 6               | 504-S      | 504-S      |               |               |               |               |  |               |               |        | 504-S     | 504-S |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 81                                                                      | DTCN CB-K16A3               | T/Bắc      | MD 12     | Máy điện                                                                 | 6               |            |            | 404-S         |               |               |               |  | 404-S         |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 81                                                                      | DTCN CB-K16A3               | T/Đức      | MH 03     | Giáo dục thể chất                                                        | 4               |            |            |               | TTVH-S        |               | TTVH-S        |  |               | TTVH-S        | TTVH-S |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 82                                                                      | DTCN CB-K16A4               | C/Vân      | MD 12     | Máy điện                                                                 | 6               | 408-S      |            |               |               |               |               |  | 505-S         |               |        |           |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |
| 82                                                                      | DTCN CB-K16A4               | C/Nga      | MD 18     | Trang bị điện                                                            | 6               |            | 404-S      |               | 404-C         |               |               |  |               |               | 404-C  | 404-C     |       |  |                                                            |         |       |       |       |      |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                                |            |           |                                         |                 |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|-----------|-----------------------------------------|-----------------|----------|----------|--------|--------|----------------|----------------|---------|----------|------------------|----------------|------------------|------------------|-------------------|
| STT                                                                     | Lớp                            | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD                              | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19  |          |        |        |                |                | Tuần 20 |          |                  |                |                  |                  | Ghi chú           |
|                                                                         |                                |            |           |                                         |                 | Thứ 2    | Thứ 3    | Thứ 4  | Thứ 5  | Thứ 6          | Thứ 7          | CN      | Thứ 2    | Thứ 3            | Thứ 4          | Thứ 5            | Thứ 6            |                   |
|                                                                         |                                |            |           |                                         |                 | 5/1      | 6/1      | 7/1    | 8/1    | 9/1            | 10/1           | 11/1    | 12/1     | 13/1             | 14/1           | 15/1             | 16/1             |                   |
| 82                                                                      | DTCN CD-K16A4                  | C/Quyển    | MD 17     | Điện tử công suất                       | 6               |          |          | 405-S  |        |                |                |         |          |                  |                |                  | 406-S            |                   |
| 82                                                                      | DTCN CD-K16A4                  | C/Phương   | MH 01     | Giáo dục chính trị                      | 5               |          |          |        |        | Hội trường B-S | Hội trường B-S |         |          |                  | Hội trường B-S |                  |                  |                   |
| 83                                                                      | DTCN CD-K16A5 (GT)             | T/Nghĩa    | MD 13     | Kỹ thuật mạch điện tử                   | 6               | 503-S    | 503-S    | 503-S  |        |                |                |         |          |                  |                |                  | 503-S            |                   |
| 83                                                                      | DTCN CD-K16A5 (GT)             | T/Sinh     | MH 03     | Giáo dục thể chất                       | 4               |          |          | TTVH-S | TTVH-S |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 83                                                                      | DTCN CD-K16A5 (GT)             | T/Bách     | MD 12     | Máy điện                                | 6               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  | 408-S          | 408-S            |                  |                   |
| 84                                                                      | DTCN K41B1 (Lớp 12A7)          | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          | 308      | 308    |        |                | 308            |         |          | 308              | 308            |                  |                  | 308               |
| 84                                                                      | DTCN K41B1 (Lớp 12A7)          | C/Sứ       | MD 21     | Điều khiển lập trình PLC                | 8               | 403-C    |          |        |        | 403-C          |                |         | 403-C    |                  |                |                  | 403-C            |                   |
| 85                                                                      | DTCN K41B2 (Lớp 12A7)          | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          | 308      | 308    |        |                | 308            |         |          | 308              | 308            |                  |                  | 308               |
| 85                                                                      | DTCN K41B2 (Lớp 12A7)          |            |           |                                         |                 |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 86                                                                      | DTCN K42B1 (Lớp 11A10+11A11)   | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 | 103, 104 | 103, 104 |        |        |                |                |         | 103, 104 | 103, 104         |                |                  |                  |                   |
| 86                                                                      | DTCN K42B1 (Lớp 11A10+11A11)   | C/Hà       | MH 06     | Tiếng anh                               | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 87                                                                      | DTCN K42B2 (Lớp 11A11)         | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 | 104      | 104      |        |        |                |                |         | 104      | 104              |                |                  |                  |                   |
| 87                                                                      | DTCN K42B2 (Lớp 11A11)         | C/T.Huyền  | MH 05     | Tin học                                 | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 88                                                                      | DTCN K42B3 (Lớp 11A11)         | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 | 104      | 104      |        |        |                |                |         | 104      | 104              |                |                  |                  |                   |
| 88                                                                      | DTCN K42B3 (Lớp 11A11)         | C/Huyền    | MH 06     | Tiếng anh                               | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 89                                                                      | DTCN01 - K43B1 (Lớp 10A10)     | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          |          | 105    | 105    |                |                |         |          |                  |                | 105              | 105              |                   |
| 89                                                                      | DTCN01 - K43B1 (Lớp 10A10)     | C/Thương   | MH 11     | Vật liệu điện tử và linh kiện           | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 90                                                                      | DTCN01 - K43B2 (Lớp 10A11)     | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          |          | 106    | 106    |                |                |         |          |                  |                | 106              | 106              |                   |
| 90                                                                      | DTCN01 - K43B2 (Lớp 10A11)     | T/Bách     | MH 08     | Kỹ thuật điện                           | 5               |          |          | 303-S  |        |                |                |         |          | 507-S            |                |                  |                  |                   |
| 91                                                                      | DTCN01 - K43B3 (Lớp 10A11)     | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          |          | 106    | 106    |                |                |         |          |                  |                | 106              | 106              |                   |
| 91                                                                      | DTCN01 - K43B3 (Lớp 10A11)     | T/Diến     | MH 11     | Vật liệu điện tử và linh kiện           | 5               | 507-S    |          |        |        |                |                |         |          | 106-S            |                |                  |                  |                   |
| 91                                                                      | DTCN01 - K43B3 (Lớp 10A11)     | C/Vân      | MH 08     | Kỹ thuật điện                           | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                |                  |                  |                   |
| 92                                                                      | DCN LT25-K7                    | C/Thu 87   | MD 07     | Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động | 8               |          | 407-S    | 407-S  |        |                | 407-S          |         | 407-S    | 407-S            |                |                  |                  |                   |
| 92                                                                      | DCN LT25-K7                    | T/Sinh     | MH 03     | Giáo dục thể chất                       | 4               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                | TTVH-S           | TTVH-S           |                   |
| 92                                                                      | DCN LT25-K7                    | C/Phương   | MH 01     | Giáo dục chính trị                      | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  | Hội trường B-S |                  |                  | Ghép DTCN LT25-K7 |
|                                                                         | DTCN LT25-K7                   | T/Trung    | MD 07     | Vi điều khiển                           | 6               |          |          |        |        |                |                |         |          | F.D-DT (ODA) - C |                | F.D-DT (ODA) - C | F.D-DT (ODA) - S |                   |
|                                                                         | DTCN LT25-K7                   | C/Phương   | MH 01     | Giáo dục chính trị                      | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  | Hội trường B-S |                  |                  | Ghép DCN LT25-K7  |
| 94                                                                      | HÀN K41B (Lớp 12A8)            | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          | 205      | 205    |        |                | 205            |         |          | 205              | 205            |                  |                  | 205               |
| 94                                                                      | HÀN K41B (Lớp 12A8)            |            |           | Dự phòng học lại, thi lại, học bổ sung  |                 | DP       |          |        | DP     | DP             |                |         |          |                  |                | DP               | DP               |                   |
| 95                                                                      | HÀN K42G                       | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 | VH       | VH       | VH     |        |                |                |         | VH       | VH               | VH             |                  |                  |                   |
| 95                                                                      | HÀN K42G                       | T/Hoàng    | MD 17     | Hàn MIG/MAG                             | 6               |          |          |        | GB-C   | GB-C           | GB-C           |         |          |                  |                |                  |                  | GB-C              |
| 95                                                                      | HÀN K42G                       | C/Hà       | MH 06     | Tiếng anh                               | 5               |          |          |        |        |                |                |         |          |                  |                | GB-C             |                  |                   |
| 96                                                                      | KTCBMA K41B (Lớp 12A9)         | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          | 206      | 206    |        |                | 206            |         |          | 206              | 206            |                  |                  | 206               |
| 96                                                                      | KTCBMA K41B (Lớp 12A9)         |            |           | Dự phòng học lại, thi lại, học bổ sung  |                 | DP       |          |        | DP     | DP             |                |         | DP       |                  |                | DP               | DP               |                   |
| 97                                                                      | KTCBMA K42B1 (Lớp 11A12+11A13) | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 | 105, 106 | 105, 106 |        |        |                |                |         | 105, 106 | 105, 106         |                |                  |                  |                   |
| 97                                                                      | KTCBMA K42B1 (Lớp 11A12+11A13) | C/H.Nga    | MD19      | Nghiệp vụ nhà hàng                      | 8               |          |          | 108-S  |        | 108-S          |                |         |          |                  |                | 108-S            | 108-S            |                   |
| 98                                                                      | KTCBMA K42B2 (Lớp 11A12+11A13) | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 | 105, 106 | 105, 106 |        |        |                |                |         | 105, 106 | 105, 106         |                |                  |                  |                   |
| 98                                                                      | KTCBMA K42B2 (Lớp 11A12+11A13) | C/H.Nga    | MD20      | Chế biến bánh và món ăn tráng miệng     | 8               |          |          |        | 101-S  |                |                |         |          |                  | 101-S          |                  |                  |                   |
| 98                                                                      | KTCBMA K42B2 (Lớp 11A12+11A13) | C/P.Nga    | MD19      | Nghiệp vụ nhà hàng                      | 8               |          |          | 108-C  |        |                | 108-C          |         |          |                  |                |                  | 108-C            |                   |
| 99                                                                      | KTCBMA K43B1 (Lớp 10A12)       | GVGB       | Văn hóa   |                                         |                 |          |          |        | 206    | 206            |                |         |          |                  |                | 206              | 206              |                   |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                             |              |           |                                                         |                 |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------|---------------------------------------------------------|-----------------|---------|--------|------------------|------------------|--------|-------|----|---------|--------|------------------|--------|--------|-------|---------------------------------------------------------|
| STT                                                                     | Lớp                         | Giảng viên   | Mã MH, MD | Tên MH, MD                                              | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19 |        |                  |                  |        |       | CN | Tuần 20 |        |                  |        |        | CN    | Ghi chú                                                 |
|                                                                         |                             |              |           |                                                         |                 | Thứ 2   | Thứ 3  | Thứ 4            | Thứ 5            | Thứ 6  |       |    | Thứ 2   | Thứ 3  | Thứ 4            | Thứ 5  | Thứ 6  | Thứ 7 |                                                         |
|                                                                         |                             |              |           |                                                         |                 | 5/1     | 6/1    | 7/1              | 8/1              | 9/1    |       |    | 12/1    | 13/1   | 14/1             | 15/1   | 16/1   | 17/1  |                                                         |
| 99                                                                      | KTCBMA K43B1<br>(Lớp 10A12) | C/P.Nga      | MD 13     | Tâm lý và kỹ năng giao tiếp                             | 6               | 108-C   | 108-C  |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 99                                                                      | KTCBMA K43B1<br>(Lớp 10A12) | C/P.Nga      | MD 13     | Thi kết thúc môn                                        | 4               |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        | 108-C            |        |        |       | Tâm lý và kỹ năng giao tiếp                             |
| 99                                                                      | KTCBMA K43B1<br>(Lớp 10A12) | C/Ngân       | MH14      | Hạch toán định mức                                      | 5               |         |        |                  |                  |        |       |    | 108-S   |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 100                                                                     | KTCBMA K43B2<br>(Lớp 10A13) | GVGB         | Văn hóa   |                                                         |                 |         |        |                  | 207              | 207    |       |    |         |        |                  | 207    | 207    |       |                                                         |
| 100                                                                     | KTCBMA K43B2<br>(Lớp 10A13) | C/H.Nga      | MH 12     | Tổng quan du lịch và khách sạn                          | 5               | 108-S   |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 100                                                                     | KTCBMA K43B2<br>(Lớp 10A13) | C/H.Nga      | MH 12     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  |        |       |    | 101-C   |        |                  |        |        |       | Tổng quan du lịch và khách sạn                          |
| 100                                                                     | KTCBMA K43B2<br>(Lớp 10A13) | C/Ngân       | MD 13     | Tâm lý và kỹ năng giao tiếp                             | 6               | 108-S   |        |                  |                  |        |       |    |         | 108-S  | 108-S            |        |        |       |                                                         |
| 101                                                                     | KTDN CD-K14                 | C/Xuân       | MH 05     | Tin học                                                 | 5               |         | 203-S  |                  |                  | 203-S  |       |    | 203-S   |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 101                                                                     | KTDN CD-K14                 | C/Xuân       | MH 05     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        | 203-S  |       | Tin học                                                 |
| 101                                                                     | KTDN CD-K14                 | T/Quang      | MH 05     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        | 203-S  |       | Tin học                                                 |
| 101                                                                     | KTDN CD-K14                 | K.KH-KT-CNTT | MD 29     | Khóa luận tốt nghiệp                                    |                 | KLTN    |        | KLTN             | KLTN             |        |       |    |         | KLTN   | KLTN             | KLTN   |        |       |                                                         |
| 102                                                                     | KTDN CD-K15A1               | C/Thủy       | MD 17     | Kế toán doanh nghiệp 2                                  | 8               | 308-S   |        |                  |                  |        |       |    | 308-S   |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 102                                                                     | KTDN CD-K15A1               | T/Dức        | MH 03     | Giáo dục thể chất                                       | 4               |         | TTVH-C | TTVH-C           |                  |        |       |    |         |        |                  |        | TTVH-S |       |                                                         |
| 102                                                                     | KTDN CD-K15A1               | C/Tích       | MH 20     | Thanh toán điện tử                                      | 5               |         |        |                  | 108-S            |        | 103-S |    |         |        |                  | 101-S  |        |       |                                                         |
| 103                                                                     | KTDN CD-K15A2               | C/Thủy       | MD 17     | Kế toán doanh nghiệp 2                                  | 8               |         | 101-C  | 101-C            |                  |        |       |    |         | 101-S  | 302-S            |        |        |       |                                                         |
| 103                                                                     | KTDN CD-K15A2               | T/Dức        | MH 03     | Giáo dục thể chất                                       | 4               |         |        |                  |                  | TTVH-C |       |    | TTVH-C  |        |                  | TTVH-C |        |       |                                                         |
| 103                                                                     | KTDN CD-K15A2               | C/Trang      | MH 19     | Marketing điện tử                                       | 5               |         |        |                  | 205-S            |        |       |    |         |        |                  |        | 308-S  |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A1               | C/H.Nhung    | MH 10     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  | 302-C  |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A1               | T/D.Anh      | MH 10     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  | 302-C  |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A1               | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất                                       | 4               |         |        |                  |                  |        |       |    | TTVH-S  | TTVH-S |                  |        |        |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A1               | C/Thủy       | MH 11     | Thi kết thúc môn                                        | 2               | 302-C   |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        |        |       | Nguyên lý kế toán                                       |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A1               | C/H.Nhung    | MH 14     | Thuế                                                    | 5               |         |        |                  | 302-C            | 302-C  |       |    |         |        |                  | 302-C  | 302-C  |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A1               | C/Tích       | MH 12     | Quản trị doanh nghiệp                                   | 5               |         |        | 302-C            |                  |        |       |    |         |        | 302-C            |        |        |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A2               | C/Thủy       | MH 11     | Nguyên lý kế toán                                       | 5               |         |        |                  | 302-S            |        |       |    |         |        |                  | 302-S  |        |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A2               | C/H.Nhung    | MH 14     | Thuế                                                    | 5               | 302-S   | 302-S  |                  |                  |        | 302-S |    | 302-S   | 302-S  |                  |        |        |       |                                                         |
| 104                                                                     | KTDN CD-K16A2               | C/Tích       | MH 12     | Quản trị doanh nghiệp                                   | 5               |         |        |                  |                  | 302-S  |       |    |         |        |                  |        | 302-S  |       |                                                         |
| 105                                                                     | KTDN01 -K43B<br>(Lớp 10A14) | GVGB         | Văn hóa   |                                                         |                 |         |        |                  | 208              | 208    |       |    |         |        |                  | 208    | 208    |       |                                                         |
| 105                                                                     | KTDN01 -K43B<br>(Lớp 10A14) | C/H.Nhung    | MH 14     | Thuế                                                    | 5               |         |        | 105-S            |                  |        |       |    |         |        | 105-S            |        |        |       |                                                         |
| 105                                                                     | KTDN01 -K43B<br>(Lớp 10A14) | C/Huệ        | MH 13     | Thống kê doanh nghiệp                                   | 5               | 101-S   | 101-S  |                  |                  |        |       |    | 108-C   | 108-C  |                  |        |        |       |                                                         |
| 106                                                                     | TĐHCN CD-K14A1              | T/Khoa       | MD 26     | Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống cơ điện tử                | 8               | 301-S   | 301-S  | 301-S            | 301-S            | 301-S  | 301-S |    | 301-S   | 301-S  | 301-S            |        |        |       |                                                         |
| 106                                                                     | TĐHCN CD-K14A1              | K.Diện       |           | Đồ án tốt nghiệp                                        |                 |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  | DATN   | DATN   |       |                                                         |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | C/T.Huyền    | MH 05     | Tin học (Học trực tiếp)                                 | 5               |         |        | 203-S            |                  |        |       |    |         |        |                  |        | 202-C  |       |                                                         |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | C/Thủy       | MH 10     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  |        | 405-S |    |         |        |                  |        |        |       | Thiết kế mạch điện                                      |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | C/Quỳnh      | MH 10     | Thi kết thúc môn                                        | 2               |         |        |                  |                  |        | 405-S |    |         |        |                  |        |        |       | Thiết kế mạch điện                                      |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | C/Thu 87     | MD 24     | Thiết bị iot 4.0 trong hệ thống tự động hóa công nghiệp | 8               | 407-S   | 407-S  |                  |                  |        |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | C/Thu 87     | MD 24     | Thi kết thúc môn                                        | 4<br>Từ 13h00   |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  | 407-C  |        |       | Thiết bị iot 4.0 trong hệ thống tự động hóa công nghiệp |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | T/Hộ         | MD 24     | Thi kết thúc môn                                        | 4<br>Từ 13h00   |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        |                  | 407-C  |        |       | Thiết bị iot 4.0 trong hệ thống tự động hóa công nghiệp |
| 107                                                                     | TĐHCN CD-K14A2              | K.Diện       | MD 29     | Đồ án tốt nghiệp                                        |                 |         |        |                  | DATN             | DATN   |       |    | DATN    | DATN   | DATN             |        |        |       |                                                         |
| 108                                                                     | TĐHCN CD-K14A3              | T/Trung      | MD 25     | Robot công nghiệp                                       | 8               |         |        | P.D-BT (ODA) - C | P.D-BT (ODA) - C |        |       |    |         |        |                  |        |        |       |                                                         |
| 108                                                                     | TĐHCN CD-K14A3              | T/Trung      | MD 25     | Thi kết thúc môn                                        | 4               |         |        |                  |                  |        |       |    |         |        | P.D-DT (ODA) - S |        |        |       | Robot công nghiệp                                       |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                     |            |           |                                          |                 |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           |                |  |                                 |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-----------|------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------------|----------------|-------|--------|----------------|--|----------------|--------|------------------|-----------|----------------|--|---------------------------------|
| STT                                                                     | Lớp                 | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD                               | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19   |                          |                |       |        |                |  | Tuần 20        |        |                  |           |                |  | Ghi chú                         |
|                                                                         |                     |            |           |                                          |                 | Thứ 2     | Thứ 3                    | Thứ 4          | Thứ 5 | Thứ 6  |                |  | Thứ 2          | Thứ 3  | Thứ 4            | Thứ 5     | Thứ 6          |  |                                 |
|                                                                         |                     |            |           |                                          |                 | 5/1       | 6/1                      | 7/1            | 8/1   | 9/1    |                |  | 12/1           | 13/1   | 14/1             | 15/1      | 16/1           |  |                                 |
| 108                                                                     | TDHCN CD-K14A3      | C/Thu 87   | MD 25     | Thi kết thúc môn                         | 4               |           |                          |                |       |        |                |  |                |        | P.D-BT (ODA) - S |           |                |  | Robot công nghiệp               |
| 108                                                                     | TDHCN CD-K14A3      | T/Minh     | MD 26     | Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống cơ điện tử | 8               | 401-S     | 401-S                    |                |       | 401-S  | 401-S          |  | 401-S          | 401-S  |                  | 401-S     | 401-S          |  |                                 |
| 109                                                                     | TDHCN CD-K14A4      | K/Điện     |           | Đồ án tốt nghiệp                         |                 | DATN      | DATN                     | DATN           | DATN  | DATN   | DATN           |  | DATN           | DATN   | DATN             | DATN      | DATN           |  |                                 |
| 110                                                                     | TDHCN CD-K14A5 (GT) | K/Điện     |           | Dự phòng học lại, thi lại, học bổ sung   |                 |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           |                |  |                                 |
| 111                                                                     | TDHCN CD-K15A1      | C/T.Huyền  | MH 05     | Tin học (Học trực tiếp)                  | 5               | 202-C     | Online                   |                | 202-C |        | 202-S          |  | 202-C          | 202-C  | 202-C            | 202-C     |                |  |                                 |
| 111                                                                     | TDHCN CD-K15A1      | T/Trung    | MD 19     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       | 403-S  |                |  |                |        |                  |           |                |  | Vi điều khiển                   |
| 111                                                                     | TDHCN CD-K15A1      | T/Hữu      | MD 19     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       | 403-S  |                |  |                |        |                  |           |                |  | Vi điều khiển                   |
| 111                                                                     | TDHCN CD-K15A1      | C/T.Xuân   | MH 02     | Pháp luật                                | 5               |           |                          | Hội trường B-S |       |        |                |  |                |        |                  |           | Hội trường B-S |  |                                 |
| 112                                                                     | TDHCN CD-K15A2      | T/Nhung    | MD 15     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>(Từ 13h)   |           |                          |                |       |        |                |  | 503-S          |        |                  |           |                |  | Kỹ thuật cảm biến               |
| 112                                                                     | TDHCN CD-K15A2      | T/Nghĩa    | MD 15     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>(Từ 13h)   |           |                          |                |       |        |                |  | 503-S          |        |                  |           |                |  | Kỹ thuật cảm biến               |
| 112                                                                     | TDHCN CD-K15A2      | T/H.Bắc    | MD 19     | Vi điều khiển                            | 3               | 402-S     |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           |                |  |                                 |
| 112                                                                     | TDHCN CD-K15A2      | T/H.Bắc    | MD 19     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       |        |                |  | 402-C          |        |                  |           |                |  | Vi điều khiển                   |
| 112                                                                     | TDHCN CD-K15A2      | T/Trung    | MD 19     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       |        |                |  | 402-C          |        |                  |           |                |  | Vi điều khiển                   |
| 112                                                                     | TDHCN CD-K15A2      | T/Dự       | MH 05     | Tin học                                  | 5               |           | 202-C                    | online         | 204-S | online |                |  |                | 204-S  | 204-S            | 202-S     | 204-S          |  |                                 |
| 113                                                                     | TDHCN CD-K15A3      | C/Huyền    | MH 06     | Tiếng anh                                | 5               |           |                          |                | 507-S |        |                |  |                |        |                  | 503-S     |                |  |                                 |
| 113                                                                     | TDHCN CD-K15A3      | C/Quyên    | MD 21     | Điều khiển lập trình cơ nhò              | 8               | 405-S     |                          |                |       | 405-S  |                |  | 405-C          | 405-C  |                  |           |                |  |                                 |
| 113                                                                     | TDHCN CD-K15A3      | C/Sử       | MH 17     | Lý thuyết điều khiển tự động             | 5               |           | P.TV-T4-S                | P.TV-T4-S      |       |        | P.TV-T4-S      |  |                |        | P.TV-T4-S        |           | P.TV-T4-S      |  |                                 |
| 114                                                                     | TDHCN CD-K15A4      | K/Điện     | MD 28     | Thực tập tốt nghiệp                      |                 |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           |                |  | Từ 05/01/2026 đến 30/03/2026    |
| 115                                                                     | TDHCN CD-K15A5      | C/Hà       | MH 06     | Tiếng anh                                | 5               |           |                          |                | 205-C |        |                |  |                | 101-C  |                  |           |                |  |                                 |
| 115                                                                     | TDHCN CD-K15A5      | T/Vui      | MH 17     | Lý thuyết điều khiển tự động             | 5               | P.TV-T4-C | P.TV-T4-C                |                |       |        | P.TV-T4-C      |  |                |        |                  | P.TV-T4-C | P.TV-T4-C      |  | Ghép lớp TDHCN CD-K15A7         |
| 115                                                                     | TDHCN CD-K15A5      | T/Huân     | MD 22     | Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động  | 8               |           |                          |                |       | 407-C  |                |  |                |        | 407-C            |           |                |  |                                 |
| 116                                                                     | TDHCN CD-K15A6      | K/Điện     | MD 28     | Thực tập tốt nghiệp                      |                 |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           |                |  | Từ 05/01/2026 đến 30/03/2026    |
| 117                                                                     | TDHCN CD-K15A7      | C/Sử       | MD 20     | Điều khiển lập trình PLC                 | 8               |           |                          |                | 403-S |        |                |  |                |        |                  |           |                |  |                                 |
| 117                                                                     | TDHCN CD-K15A7      | T/Hữu      | MD 20     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       |        |                |  |                | 403-C  |                  |           |                |  | C/Sử - Điều khiển lập trình PLC |
| 117                                                                     | TDHCN CD-K15A7      | T/Nhung    | MD 20     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       |        |                |  |                | 403-C  |                  |           |                |  | Điều khiển lập trình PLC        |
| 117                                                                     | TDHCN CD-K15A7      | T/Vui      | MH 17     | Lý thuyết điều khiển tự động             | 5               | P.TV-T4-C | P.TV-T4-C                |                |       |        | P.TV-T4-C      |  |                |        |                  | P.TV-T4-C | P.TV-T4-C      |  | Ghép lớp TDHCN CD-K15A5         |
| 117                                                                     | TDHCN CD-K15A7      | C/Hà       | MH 06     | Tiếng anh                                | 5               |           |                          | 505-S          |       | 503-S  |                |  | 305-S          |        | 306-S            |           |                |  |                                 |
| 118                                                                     | TDHCN CD-K16A1      | C/Phương   | MH 01     | Giáo dục chính trị                       | 5               | 206-S     |                          |                |       |        |                |  | Hội trường B-S |        |                  |           |                |  |                                 |
| 118                                                                     | TDHCN CD-K16A1      | C/Hiến     | MD 12     | Máy điện                                 | 6               |           |                          | 406-S          |       |        |                |  |                | 408-S  |                  |           |                |  |                                 |
|                                                                         | TDHCN CD-K16A1      | C/Quyên    | MD 14     | Điện tử công suất                        | 6               |           | 406-S                    |                | 408-S |        |                |  |                |        | 406-S            | 406-S     |                |  |                                 |
| 118                                                                     | TDHCN CD-K16A1      | C/Nga      | MD 15     | Trang bị điện                            | 6               |           |                          |                |       | 404-S  | 404-S          |  |                |        |                  |           | 404-S          |  |                                 |
| 119                                                                     | TDHCN CD-K16A2      | C/Tâm      | MH 01     | Giáo dục chính trị                       | 5               | 205-C     |                          |                |       |        | Hội trường B-C |  | Hội trường B-C |        |                  |           |                |  |                                 |
| 119                                                                     | TDHCN CD-K16A2      | C/Vân      | MD 12     | Máy điện                                 | 6               |           |                          | 505-C          | 505-C |        |                |  |                | 505-C  |                  |           |                |  |                                 |
| 119                                                                     | TDHCN CD-K16A2      | T/Huân     | MD 12     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           | 505-C          |  | C/Vân - Máy điện                |
| 119                                                                     | TDHCN CD-K16A2      | T/Đoàn     | MD 12     | Thi kết thúc môn                         | 4<br>Từ 13h00   |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  |           | 505-C          |  | Máy điện                        |
| 119                                                                     | TDHCN CD-K16A2      | T/M.Hùng   | MH 10     | An toàn lao động                         | 5               |           | 503-C                    | 503-C          |       |        |                |  |                |        | 103-C            |           |                |  |                                 |
| 120                                                                     | TDHCN CD-K16A3      | T/H.Bắc    | MD 11     | Kỹ thuật điện tử                         | 6               |           | 502-S                    | 502-S          | 502-S |        | 502-S          |  |                | 502-S  | 502-S            |           |                |  |                                 |
| 120                                                                     | TDHCN CD-K16A3      | C/Vân      | MD 12     | Máy điện                                 | 6               |           |                          |                |       |        |                |  |                |        |                  | 505-S     | 505-S          |  |                                 |
| 120                                                                     | TDHCN CD-K16A3      | C/Huyền    | MH 06     | Tiếng anh                                | 5               |           | Học trực tuyến trên LCMS |                |       |        |                |  | 205-S          |        |                  |           |                |  |                                 |
| 121                                                                     | TDHCN CD-K16A4      | T/Hà       | MH 03     | Giáo dục thể chất                        | 4               |           |                          |                |       |        | TTVH-S         |  |                | TTVH-C |                  |           |                |  |                                 |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |                     |              |           |                              |                     |                |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       |                              |      |         |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------|-----------|------------------------------|---------------------|----------------|--------|--------|----------------|------------|--------|------|---------|----------------|------------|--------|-------|------------------------------|------|---------|
| STT                                                                     | Lớp                 | Giảng viên   | Mã MH, MD | Tên MH, MD                   | Số giờ/<br><br>buổi | Tuần 19        |        |        |                |            |        |      | Tuần 20 |                |            |        |       |                              |      | Ghi chú |
|                                                                         |                     |              |           |                              |                     | Thứ 2          | Thứ 3  | Thứ 4  | Thứ 5          | Thứ 6      | Thứ 7  | CN   | Thứ 2   | Thứ 3          | Thứ 4      | Thứ 5  | Thứ 6 | Thứ 7                        | CN   |         |
|                                                                         |                     |              |           |                              |                     | 5/1            | 6/1    | 7/1    | 8/1            | 9/1        | 10/1   | 11/1 | 12/1    | 13/1           | 14/1       | 15/1   | 16/1  | 17/1                         | 18/1 |         |
| 121                                                                     | TDHCN CD-K16A4      | T/Dương      | MD 12     | Máy điện                     | 6                   |                |        |        | P.24/7/2-S     | P.24/7/2-S |        |      |         | P.24/7/2-S     | P.24/7/2-S |        |       |                              |      |         |
| 121                                                                     | TDHCN CD-K16A4      | T/V.Thực     | MH10      | An toàn lao động             | 5                   | 505-S          | 505-S  |        |                |            |        |      |         |                | 405-S      |        |       |                              |      |         |
| 121                                                                     | TDHCN CD-K16A4      | C/Nhung      | MH 06     | Tiếng anh                    | 5                   |                |        | 101-S  |                |            |        |      | 101-S   |                |            |        |       |                              |      |         |
| 122                                                                     | TDHCN CD-K16A5      | T/Hà         | MH 03     | Giáo dục thể chất            | 4                   | TTVH-C         | TTVH-C |        |                |            | TTVH-C |      |         | TTVH-C         | TTVH-C     | TTVH-C |       |                              |      |         |
| 122                                                                     | TDHCN CD-K16A5      | C/Thương     | MD 11     | Kỹ thuật điện tử             | 6                   |                |        |        | 504-C          | 504-C      |        |      | 504-C   | 504-C          |            |        |       |                              |      |         |
| 123                                                                     | TDHCN CD-K16A6      | C/Phương     | MH 01     | Thi kết thúc môn             | 2                   | Hội trường B-C |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       |                              |      |         |
| 123                                                                     | TDHCN CD-K16A6      | C/T.Xuân     | MH 01     | Thi kết thúc môn             | 2                   | Hội trường B-C |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       |                              |      |         |
| 123                                                                     | TDHCN CD-K16A6      | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất            | 4                   |                | TTVH-C |        |                |            |        |      |         | TTVH-S         |            |        |       |                              |      |         |
| 123                                                                     | TDHCN CD-K16A6      | T/Nâng       | MD 12     | Máy điện                     | 6                   |                |        | 303-C  | 303-C          |            |        |      | 303-C   | 303-C          |            |        |       |                              |      |         |
| 123                                                                     | TDHCN CD-K16A6      | T/Nhung      | MD 09     | Đo lường điện - điện tử      | 6                   |                |        |        |                | 304-S      | 304-S  |      |         |                |            | 304-C  | 304-C |                              |      |         |
| 124                                                                     | TDHCN CD-K16A7 (GT) | T/Hà         | MH 03     | Giáo dục thể chất            | 4                   |                |        | TTVH-C | TTVH-C         |            |        |      | TTVH-C  |                |            |        |       |                              |      |         |
| 124                                                                     | TDHCN CD-K16A7 (GT) | T/Điền       | MD 11     | Kỹ thuật điện tử             | 6                   |                |        |        |                | 507-S      | 507-S  |      |         |                | 507-C      | 507-C  |       |                              |      |         |
| 124                                                                     | TDHCN CD-K16A7 (GT) | T/Bắc        | MD 12     | Máy điện                     | 6                   | 408-C          | 408-C  |        |                |            |        |      |         | 408-C          | 408-C      |        |       |                              |      |         |
| 125                                                                     | TDHCN CD-K16A8 (GT) | C/L.Hiền     | MD 12     | Máy điện                     | 6                   |                | 408-S  | 408-S  |                |            | 403-S  |      | 408-S   |                |            |        |       |                              |      |         |
| 125                                                                     | TDHCN CD-K16A8 (GT) | C/L.Hiền     | MD 12     | Thi kết thúc môn             | 4<br>Từ 13h00       |                |        |        |                |            |        |      |         |                |            | 303-C  |       | Máy điện                     |      |         |
| 125                                                                     | TDHCN CD-K16A8 (GT) | T/Dương      | MD 12     | Thi kết thúc môn             | 4<br>Từ 13h00       |                |        |        |                |            |        |      |         |                |            | 303-C  |       | Máy điện                     |      |         |
| 125                                                                     | TDHCN CD-K16A8 (GT) | T/Nghĩa      | MD 11     | Kỹ thuật điện tử             | 6                   |                |        |        | 504-S          |            |        |      |         |                |            | 507-S  |       |                              |      |         |
| 125                                                                     | TDHCN CD-K16A8 (GT) | C/Ninh       | MH 06     | Tiếng anh                    | 5                   | P.TV-T4-S      |        |        | 505-S          |            |        |      |         | 505-S          | 505-S      |        |       |                              |      |         |
| 126                                                                     | TDHCN CD-K16A9 (GT) | C/Hân        | MH 02     | Pháp luật                    | 5                   | 305-C          |        |        |                |            |        |      | 305-C   |                |            |        |       |                              |      |         |
| 126                                                                     | TDHCN CD-K16A9 (GT) | C/Vân        | MD 12     | Máy điện                     | 6                   |                | 505-C  | 505-C  |                |            | 505-C  |      |         |                | 505-C      |        |       |                              |      |         |
| 126                                                                     | TDHCN CD-K16A9 (GT) | T/H.Bắc      | MD 11     | Kỹ thuật điện tử             | 6                   |                |        |        |                | 504-S      |        |      |         |                |            | 504-C  | 504-C |                              |      |         |
| 126                                                                     | TDHCN CD-K16A9 (GT) | T/Phước      | MD 13     | Sử dụng dụng cụ cầm tay      | 6                   |                |        |        | X/DC (ODA) - C |            |        |      |         | X/DC (ODA) - C |            |        |       |                              |      |         |
| 127                                                                     | TMBT CD-K14         | C/H.Yân      | MH 23     | Quản trị mạng máy tính       | 5                   | 202-S          |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       |                              |      |         |
| 127                                                                     | TMBT CD-K14         | C/H.Yân      | MH 23     | Thi kết thúc môn             | 2                   |                |        |        |                |            |        |      |         |                | 205-C      |        |       | Quản trị mạng máy tính       |      |         |
| 127                                                                     | TMBT CD-K14         | T/Dự         | MH 23     | Thi kết thúc môn             | 2                   |                |        |        |                |            |        |      |         |                | 205-C      |        |       | Quản trị mạng máy tính       |      |         |
| 127                                                                     | TMBT CD-K14         | K.KH-KT-CNTT |           | Đồ án tốt nghiệp             |                     |                | DATN   | DATN   | DATN           | DATN       | DATN   |      | DATN    | DATN           | DATN       |        | DATN  |                              |      |         |
| 128                                                                     | TMBT CD-K15         | T/Đức        | MH 03     | Giáo dục thể chất            | 4                   |                |        |        |                | TTVH-S     |        |      | TTVH-S  |                |            |        |       |                              |      |         |
| 128                                                                     | TMBT CD-K15         | C/Hà         | MH 06     | Tiếng anh                    | 5                   | 306-C          | 306-C  |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       |                              |      |         |
| 128                                                                     | TMBT CD-K15         | C/Trang      | MH 19     | Marketing điện tử            | 5                   |                |        |        | 305-S          |            | 207-S  |      |         | 306-C          |            | 308-S  |       |                              |      |         |
| 129                                                                     | TMBT CD-K16A1       | T/D.Anh      | MH 14     | Thi kết thúc môn             | 2                   |                |        |        |                | 205-C      |        |      |         |                |            |        |       | Phân tích dữ liệu kinh doanh |      |         |
| 129                                                                     | TMBT CD-K16A1       | C/Trang      | MH 14     | Thi kết thúc môn             | 2                   |                |        |        |                | 205-C      |        |      |         |                |            |        |       | Phân tích dữ liệu kinh doanh |      |         |
| 129                                                                     | TMBT CD-K16A1       | T/D.Anh      | MH 08     | Pháp luật thương mại điện tử | 5                   |                |        |        | P.TV-T4-C      |            |        |      | 302-C   | 302-C          |            |        |       |                              |      |         |
| 129                                                                     | TMBT CD-K16A1       | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất            | 4                   |                |        | TTVH-S |                |            |        |      |         |                | TTVH-C     | TTVH-C |       |                              |      |         |
| 129                                                                     | TMBT CD-K16A1       | C/Trang      | MH 15     | Thi kết thúc môn             | 2                   | 206-C          |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       | Nghiệp vụ thương mại         |      |         |
| 129                                                                     | TMBT CD-K16A1       | T/D.Anh      | MH 15     | Thi kết thúc môn             | 2                   | 206-C          |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       | Nghiệp vụ thương mại         |      |         |
| 130                                                                     | TMBT CD-K16A2       | C/Trang      | MH 15     | Nghiệp vụ thương mại         | 5                   | 306-S          | 307-C  |        |                |            |        |      | 306-C   |                |            |        |       |                              |      |         |
| 130                                                                     | TMBT CD-K16A2       | C/Thủy       | MH 12     | Nguyên lý kế toán            | 5                   |                |        |        |                | 308-C      |        |      |         |                |            | 308-C  |       |                              |      |         |
| 130                                                                     | TMBT CD-K16A2       | T/Sinh       | MH 03     | Giáo dục thể chất            |                     |                |        |        |                |            |        |      | TTVH-C  | TTVH-C         |            |        |       |                              |      |         |
| 130                                                                     | TMBT CD-K16A2       | C/Ninh       | MH 06     | Tiếng anh                    | 5                   |                |        | 208-C  |                |            | 105-C  |      |         |                | 308-C      |        |       |                              |      |         |
| 131                                                                     | TMBT CD-K16A3       | C/Huyền      | MH 06     | Tiếng anh                    | 5                   |                |        |        |                |            |        |      |         |                |            |        |       |                              |      |         |

| THỜI KHÓA BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026<br>(Từ ngày 05/01/2026 - 18/01/2026) |               |            |           |                              |                 |         |       |       |       |       |       |  |         |       |       |       |        |  |  |         |       |       |       |      |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|-----------|------------------------------|-----------------|---------|-------|-------|-------|-------|-------|--|---------|-------|-------|-------|--------|--|--|---------|-------|-------|-------|------|
| STT                                                                     | Lớp           | Giảng viên | Mã MH, MD | Tên MH, MD                   | Số giờ/<br>buổi | Tuần 19 |       |       |       |       |       |  | Tuần 20 |       |       |       |        |  |  | Ghi chú |       |       |       |      |
|                                                                         |               |            |           |                              |                 | Thứ 2   | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |       |  | Thứ 7   | CN    | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4  |  |  |         | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | CN   |
|                                                                         |               |            |           |                              |                 | 5/1     | 6/1   | 7/1   | 8/1   | 9/1   |       |  | 10/1    | 11/1  | 12/1  | 13/1  | 14/1   |  |  |         | 15/1  | 16/1  | 17/1  | 18/1 |
| 131                                                                     | TMDT CD-K16A3 | T/D.Anh    | MH 08     | Pháp luật thương mại điện tử | 5               |         |       |       |       | 308-S | 306-S |  |         |       |       | 306-C |        |  |  |         |       |       |       |      |
| 131                                                                     | TMDT CD-K16A3 | C/Trang    | MH 14     | Phân tích dữ liệu kinh doanh | 5               |         |       |       | 208-S |       |       |  |         |       | 208-C |       |        |  |  |         |       |       |       |      |
| 131                                                                     | TMDT CD-K16A3 | C/Tích     | MH 16     | Tài chính doanh nghiệp       | 5               |         | 308-C | 302-C |       |       |       |  | 308-C   | 307-C |       |       |        |  |  |         |       |       |       |      |
| 131                                                                     | TMDT CD-K16A3 | T/Dức      | MH 03     | Giáo dục thể chất            | 4               |         |       |       |       |       |       |  |         |       |       |       | TTVB-C |  |  |         |       |       |       |      |

**Ghi chú:**  
- Giờ học: MH: Sáng (S) từ 7h15ph; Chiều (C) từ 12h30ph - MD: Sáng (S) từ 6h30ph; Chiều (C) từ 12h30ph  
- Đối với môn MH 03 (GDTC): Ca Sáng (S) từ 7h15ph, Ca Chiều (C) từ 13h00ph  
- Ký hiệu phòng học: Tên phòng - Ca học. Ví dụ: 102-S: Phòng 102 - Ca sáng; 102: Phòng 102 - Cả ngày; 102-C: Phòng 102 - Ca chiều)

**Nơi nhận:**  
- BGH;  
- Các phòng, khoa liên quan;  
- Website, Fanpage;  
- Lưu: ĐT.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Thục